

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|--------------------|
| — Hiến-pháp và quyền lập-hiến | PHAN-ANH |
| — Công cuộc bảo vệ hải-nhi ở Pháp | Bà PHAN-ANH |
| — Âm thanh | ĐOÀN PHÚ-TỬ |
| — Thanh niên đối với sự học | Ứng-hòe NG. VĂN-TỐ |
| — Âm nhạc lời hát ả-đào | NG. XUÂN-KHOÁT |
| — Trường Cao-đẳng thê-dục Đông-
dương ở Phan-thiết | ĐINH GIA-TRINH |
| — Lễ Lập xuân ở Hà-nội về thời
Hậu Lê | NGÔ ĐÌNH-NHU |
| — Lược khảo tiểu-thuyết Tàu | TRẦN VĂN-GIÁP |
| — Đứa con, tiểu-thuyết dài | ĐỖ ĐỨC-THU |
| — Cách sinh hoạt trong một viện
khảo cứu ở Pháp | NGUY-NHƯ KONTUM |

CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH-HÒE

HIẾN-PHÁP VÀ QUYỀN LẬP-HIẾN

PHAN-ANH

H IẾN-Pháp là một thứ luật nền-tảng của quốc-gia. Cách tổ-chức quốc-gia (thí-dụ chính-thể dân-chủ hay quân-chủ) cùng là phạm-vi quyền-hành của chính-phủ đối với nhân-dân đều do hiến-pháp định.

Trong nước, ai có quyền lập-hiến?

Quyền lập-hiến là một thứ quyền tối cao, trên cả quyền của chính-phủ, vì chính-phủ phải theo hiến-pháp, và chính-phủ có quyền, cũng bởi hiến-pháp ủy cho.

Vậy bàn đến quyền lập-hiến tức là bàn vấn đề nguồn gốc quyền chính-trị.

Vấn đề này rất khó giải quyết. Các nhà học-giả cổ kim Âu, Á đã bàn rất nhiều, và đã đề-xướng nhiều lý-thuyết. Đại khái có thể chia những lý-thuyết ấy làm hai phái chính: phái « thần-quyền » (théories théocratiques) và phái « dân Quyền » (théories démocratiques).

a) THUYẾT THẦN-QUYỀN. Theo thuyết « Thần-Quyền » chỉ có Giới là có quyền chủ-tể loài người cũng như là chủ-tể muôn vật trong vũ-trụ. Quyền chủ-trị tối cao là ở giới.

Quyền ấy, giới ủy cho một cá-nhân hay một gia-tộc: tức là vua hay hoàng-gia. Vì thế đối với nhân dân, vua được toàn quyền chủ-tể, không có một nhân-lực nào hạn chế được quyền ấy, vì quyền vua tức là quyền-giới. Giới đã trón vua làm chính, nên chính-sự của vua tốt hay xấu chỉ có giới mới kiểm soát được. Nói tóm lại vua có toàn-quyền đối với dân và chỉ chịu trách-nhiệm đối với giới.

Thuyết này lẽ dĩ nhiên là thuyết của phái quân-chủ. Nhưng tựu trung cũng có khi thuyết ấy được một chính-thể khác tán thành, thí dụ chính-thể cá-nhân độc-đoan: theo chính-thể này thì quyền giới không phải ủy cho một gia-tộc mà chỉ ủy cho một cá-nhân.

Trong lịch-sử chính-trị nhân-loại thuyết thần quyền rất thịnh-hành về thời-đại quân-chủ.

Tập ký-tức của vua Louis XIV (ở Pháp) có nói: « Quyền vua là bởi giới ủy cho Nguồn gốc chính-quyền là ở giới, chứ không phải ở

dân. Vua chỉ chịu trách-nhiệm với giới » (Mémoires de Louis XIV p. 336 lược dịch).

Vua Louis XV trong một đạo-chiếu năm 1770 cũng tuyên bố: « Ngôi báu của Ta là giới ban cho. Giới ủy cho Ta quyền lập-pháp: quyền ấy là riêng của Ta, không ai được dự vào ».

Những chính-kiến cực-đoan ấy, mãi đến hiện-đại, cuối thế kỷ thứ 19 và đầu thế kỷ thứ 20 vẫn còn có người tán-thành nhiệt-liệt.

Giáo-hoàng Léon XIII trong một bức thư có viết: « Người đối với người, ai cũng ngang nhau. Không có một người nào có quyền bắt mọi người khác phải phục tùng mình. Chỉ có Thượng-đế đấng sinh ra vũ-trụ là có quyền lập-pháp cho muôn vật. Người cầm đầu trong một xã-hội, có quyền là bởi Thượng-Đế ủy quyền cho » (Lettres apostoliques de Léon XIII p. 147).

Hoàng-Đế Guillaume II (nước Đức) trong một bài diễn-thuyết năm 1916 nói « Vua là do giới cử để trị-vì. Vua chỉ chịu trách-nhiệm với giới ».

Đến bây giờ quốc-trưởng Hitler cách mấy hôm nay, đứng trước viện dân-biểu cũng tuyên bố: « Tôi lấy làm vinh-hạnh được Thượng-Đế cử cầm-quyền trong một quảng lịch-sử vẻ vang của nhân-loại ».

Bên Á-Đông ta, ở các nước văn-hiến, như Trung-Hoa, Nhật-Bản và Việt-Nam thuyết Thần-Quyền vẫn là công-thuyết về chính-trị.

Dở tờ chiếu nào cũng vậy, ta đọc ngay mấy chữ đầu: « Thừa thiên hưng vận, hoàng đế chiếu viết... » (vàng mệnh giới hưng vận, vua truyền rằng...). Chữ Thiên-Tử (ở Trung-Hoa và Việt-Nam) chữ Thiên-Hoàng (ở Nhật-Bản) dùng để chỉ người cầm quyền đủ biểu-thị một cách rõ ràng thuyết thần-quyền.

Thuyết thần-quyền xuất hiện ở lịch-sử Á-Đông từ đời thượng-cổ, và trải qua mấy nghìn năm, thuyết ấy đã biến-cải một cách bất ngờ.

Trong bộ Tiên-tần chính-trị tư-tướng-sử, Lương Khải Siêu bàn rất kỹ-lưỡng nguồn gốc thuyết này ở lịch-sử chính-trị Trung-quốc. Theo ý Lương thì quyền chính-trị do quyền tôn-giáo mà ra vì khởi nguyên xã-hội, hai quyền ấy hợp làm một. « Đương thời chi Vu

thực toàn bỏ-lạc chỉ tối-cao chủ-quyền giả... Cái cổ đại chính giáo hợp nhất chỉ xã-hội, kỳ tổ-chức lược như thử. Bì thời-đại dãi vô sở vị chính-trị lý-tướng, tạ viết hữu chỉ, tắc thần ý tất kỳ học dã ». (Thời bấy giờ Đổng cốt có quyền tối cao ở bộ-lạc... Những xã-hội đời cổ, chính giáo hợp nhất, tổ chức đại đề như thế. Về thời đại ấy không có lý-tướng chính-trị, mà có chưởng nữa, chỉ lấy thần ý làm đích. Tiên-tần chính-trị tư-tướng sử chương II trang 34).

Vô luận thuyết của Lương tiên-sinh đúng hay không, có một điều chắc chắn là trong những văn-thư tối cổ của Trung-Quốc, ta còn thấy rất nhiều chứng-cớ biểu thị rằng thuyết thần-quyền đã được các nhà chính-trị đương thời đem ra thực-hành.

Kinh Thi có câu: « Hoàng hỉ thượng đế! làm hạ hữu hách; giám quan tứ phương, cầu dân chi mệnh » (Lớn vậy thay đấng Thượng-Đế! chời sáng xuống dân, xem xét bốn phương, tìm chữa bệnh dân. Thơ Hoàng-Hỉ kinh thi).

Thiên khang-cáo kinh thư có nói: « Văn vu Thượng-Đế Đế hựu; thiên nãi đại mệnh Văn-Vương ế nhung An » (Thượng-Đế nghe, bằng lòng. Bèn sai Văn-Vương đánh nhà Ân). Lúc bấy giờ mệnh nhà Ân đã hết, đổi sang nhà Châu, Văn-Vương khởi-nghiệp là vàng mệnh iới.

Về thời-ấy, giới được người ta coi như « có cảm-giác, có tâm tình, có ý chí, như người, thường trực tiếp giám sát và chỉ huy việc chính-trị của nhân loại » (thiên hữu cảm giác, hữu tình tự hựu ý-chí, dĩ nhân vô thù, thường trực-tiếp giám-sát, hoặc chỉ huy nhân loại chính-trị hành-động. Lương Khải Siêu. Tiên-Tần chính-trị — trang 36).

Nhưng dần-dần về sau quan-niệm Thần-quyền ấy biến-cải. Giới sẽ không có cảm-giác như người và không trực-tiếp hành động trong xã-hội. Giới chỉ còn là một cái tiêu-biểu của « lẽ tự nhiên » sự may rủi, quan-niệm ấy so với quan-niệm triết-học « Tiền định » (Déterminisme) không khác nhau lắm.

Kinh-Thi có câu: « Thượng-thiên chi tái, vô thành vô aú » (giới ở trên không có sắc, có mùi); kinh Thư cũng có câu: « Mục mục tại thượng, minh minh tại hạ, chúc vu tứ phương » (ở trên thăm thăm, ở dưới sáng sáng, soi khắp bốn phương) đều ngụ ý Giới vô-hình nhưng, vẫn điều khiển việc nhân loại mà không ai hay. Thơ Chung-Dân kinh Thi nói: « Thiên sinh chung-dân hữu vật hữu tác » (giới sinh ra người, hễ có hiện-tượng gì, tức là đã có quy-lắc sẵn). Nghĩa là phạm những sự vật ở trên đời đều do một khuôn khổ vô hình sắp-đặt: đó là luật thiên-nhiên của tạo-hóa.

Trong trường chính-trị, đời nọ nối kia, xảy ra những cuộc chính-biến, nhất thiết là theo luật thiên-định.

Một nhà chính-trị học Thái Tây, ông Bonald trong bộ « Législation Primitive » tóm tắt quan-niệm ấy trong một câu: « Tại sao nhà cầm quyền được mọi người phải phục-tòng? Không phải rằng vì họ đã được giới trực-tiếp cử ra đâu. Chẳng qua là quyền của họ do những hiện tượng của xã-hội cấu-hợp nên: mà chính những hiện tượng ấy là bởi hóa công sắp-đặt ».

Theo quan-niệm này, trong lịch-sử chính-trị, không thể phân biệt chính-thống, với ngụy-quyền: chẳng qua « được làm vua, thua làm giặc ». Ai lên được quyền tức là đáng cầm quyền, mà ai mất quyền cũng bởi luật tạo-hóa đã chuyển vận đến thế.

Nhưng xét kỹ, thì ta phải nhận rằng dầu là một đấng Thượng-Đế có cảm-giác ý-chí như người, hay là một thứ luật tạo-hóa vô-hình, trong những quan-niệm thần-quyền kể trên có một chỗ bi-ẩn hoang-đường, mà không thể đem khoa học ra mà xét được; chỗ huyền-bí ấy là phải tìm nguồn gốc quyền chính-trị ở một thế-lực ngoài phạm vi nhân-đạo (Giới, luật Tạo-Hóa).

Thuyết « dân quyền » sẽ không đặt nguồn-gốc quyền chính-trị ở một nơi huyền-bí như vậy.

(Xem trang sau)

b) THUYẾT DÂN-QUYỀN (Théories démocratiques) Thuyết này đặt nguồn gốc quyền chính-trị ở toàn-thể quốc-dân. Nhà cầm-quyền phải theo ý của quốc-dân, chứ không phải theo mệnh lệnh của một thế-lực huyền vi nào cả.

Lẽ dĩ nhiên thuyết này rất thích-hợp cho chính thể dân-quốc, nhưng thực ra, cũng không phản-đối chính-thể quân-quốc; vì dầu là vua hay tổng-thống chẳng qua cũng là người được quốc-dân ưng đề cho cầm quyền mà quyền tối cao vẫn ở trong tay quốc-dân.

Ở Thái-Tây, có ông Hobbes (người Anh) và ông Rousseau (người Pháp) là hai nhà chính-trị học đã tán-thành một cách nhiệt-liệt thuyết dân-quyền.

Nhưng trước hai ông cũng nhiều người đã khởi xướng thuyết ấy ngay từ đời Trung-cổ ông Saint Thomas d'Aquin đã có viết: « Chính-phủ bạo ngược đáng chê, vì chỉ vụ lợi riêng của nhà cầm quyền mà không lưu ý đến lợi chung của quốc-dân. Bởi thế nên dân có cách-mệnh cũng không thể gọi là nguy-loạn được. Chính người cầm quyền bạo ngược mới là nguy-loạn ».

Ở Pháp, năm 1484 trong lúc thiếu quân Charles VIII tại vị, chưa tự cầm quyền-chính được, ông Philippe Pot ở quốc-hội tuyên-bố rằng: « Trong khi vua chưa cầm quyền chính được thì ai được cầm quyền? một vị hoàng thân chăng? Hoàng gia hội nghị chăng? Không. Quyền ấy phải giả lại cho Dân, vì quyền chính-trị là của dân tạm-thời ủy thác cho vua ».

Vì thế nên quốc-dân có quyền kiểm-sát hành-vi của nhà vua; hễ hành-động ấy bạo ngược thì quốc-dân có thể tước-quyền.

Những chính-kiến ấy được nhiều nhà triết học về thế-kỷ thứ 17 và 18 đem bàn rõ thêm. Rồi đến hai cuộc cách-mệnh 1775 ở Mỹ và 1789 ở Pháp, những chính-kiến ấy đã đem ra thực-hành; trong hiến-pháp năm 1791 của Pháp có một khoản nói: « Chính-quyền tối cao là của quốc-dân; không một phần-tử nào hay một cá-nhân nào trong xã-hội được đoạt quyền ấy ».

Cho đến bây giờ những nhà chính-trị học có tiếng như ông Paul Esmein, hay Joseph Barthélemy hiện làm Tư-Pháp-Bộ Tổng-trưởng cũng bênh-vực thuyết dân-quyền. Trong bộ *Hiến pháp học*, ông Paul Esmein viết: « Thuyết dân-quyền không những hợp với lẽ phải, mà lại còn phò-diễn rõ ràng một hiện-tượng xã-hội mà ai cũng phải công-nhận: là cầm quyền chính bao giờ cũng phải theo dư-luận. Vậy công-

nhận thuyết dân-quyền tức là công-nhận cho dư-luận có một hiệu-lực pháp-luật. » (Droit Constitutionnel p. 286).

Bên Á-Đông ta, tư tưởng Dân-quyền xuất-hiện trong lịch-sử chính-trị rất sớm.

Trong đoạn trên, bàn về tư tưởng Thần-quyền, ta đã nhận thấy rằng quan-niệm « Giời có cảm-giác có ý-chi » biến cải dần, mà nhường chỗ cho quan-niệm giời trừu-tượng « luật tạo-hóa thiên-nhiên ». Ông Giời trừu-tượng ấy dần cũng mất nốt vì viên-vòng quá. Trong guồng máy chính-trị người ta cần phải trông rõ những cái then chốt của động cơ: lúc thần-quyền còn mạnh, then chốt động-cơ ấy là một đấng hoàng-thiên có hình-tượng và tình ý như người; đối với óc ấu-trĩ và mê-tin của dân, thì quan-niệm ấy rất có hiệu-lực vì thiêng-liêng và rõ-rệt.

Tới đến quan-niệm giời trừu-tượng là tạo-hóa thiên nhiên thì Giời không được rõ ràng nữa và nhất là mất vẻ thiêng-liêng, then chốt động-cơ của chính-trị tất phải tìm ở một phần-tử rõ ràng và xác-thực hơn: bởi thế nên mới xuất-hiện quan-niệm dân-quyền.

Nhưng muốn giữ nếp cũ, đó là cái đặc sắc văn-hóa Á-Đông, người ta vẫn giữ tên « Giời ». Người ta sẽ nói khéo rằng: quyền-chính tối cao ở giời, nhưng giời tức là quốc-dân.

Dật-thư có câu:

« Thiên thị tự ngã, dân thị, thiên thỉnh tự ngã dân thỉnh » (Giời trông thấy tức là ở chỗ dân trông thấy, giời nghe tức ở dân nghe. Mạnh-Tử dẫn Tần-thệ). Nói rõ nghĩa ra nữa thì Giời tức là Dân.

Cũng trong Dật-thư, có một câu biểu-thị quan-niệm ấy rõ ràng hơn nữa: « Dân chi sở dục, thiên tất tùng chi » (cái gì mà dân muốn tức là giời muốn).

Quan-niệm dân-quyền có khi lại được cồ-nhân đem so-sánh với thần-quyền và được tán thành một cách-nhiệt-liệt, *Tả Truyện* có câu: « Quốc tương hưng thịnh ư dân, tương vong thịnh ư thần » (nước sắp thịnh thì nghe Dân, nước sắp mất thì nghe Thần).

Nhưng ý muốn của quốc-dân làm sao biết được? Theo Lương Khải Siêu, thì ngay thời Xuân-Thu người ta đã nghĩ đến thuyết « đa số », tức là phương pháp bầu cử nghị-viện bây giờ. Ý ấy đúng hay không, ta không thể quyết định được. Có một điều chắc chắn là cồ-nhân rất lưu ý đến dư-luận, mà dư-luận tức là ý-kiến của quốc-dân cấu, hợp thành.

(Xem tiếp trang 29)

Công-cuộc bảo-vệ HÀI-NHI Ở PHÁP

(Tiếp theo T. N. số 12)

B. Sự bảo-vệ hài nhi.

Lần trước ta đã biết qua công-cuộc bảo vệ sản-phụ, tức là bảo-vệ đứa trẻ lúc còn bào thai.

Lúc đứa trẻ đã ra đời, sự chăm nom có nhiều phương-pháp, nhưng tổng chung, bất ngoại một mục đích là cố theo luật thiên-nhiên của tạo-hóa.

Căn-cứ vào quan niệm ấy, người ta khuyến-khích đàn-bà tự nuôi con bằng sữa mình, và tìm cách tổ-chức khiến mẹ được gần-gũi con luôn.

1) Khuyến-khích nuôi con bằng sữa mẹ.

Đồ ăn thiên-nhiên của đứa trẻ là sữa mẹ. Cho con bú là 1 nhiệm vụ thiêng-liêng của người đàn bà.

Nhưng nhiều người, hoặc vì hiểu lầm, hoặc vì ích-kỷ, lại bỏ cái nhiệm-vụ ấy, mà gửi con cho vú sữa hoặc, cho con ăn toàn sữa bò, tuy rằng chính mình có thừa sữa cho con bú.

Chống cái nạn hiểu lầm, ở Pháp có nhiều hội tuyên-truyền cho sản-phụ biết ích-lợi của sự nuôi con bằng sữa mẹ,

Có tiếng nhất là hội «Pháp-Mỹ bảo anh» (*œuvre franco américaine des Visiteuses de l'Enfance*). Hội ấy cử những khán-viên (*visiteuses*) đến các tư-gia giảng-giải cho sản-phụ. Kết-quả rất mỹ-mãn. Theo bản thống kê thì tới 95% những bà mẹ được nữ khán-viên đến khuyên bảo, đều cho con bú.

Có khi vì một cơ gì sữa mẹ không tốt : tức thì hội lập những phòng khám nghiệm : thầy thuốc sẽ chỉ bảo cho phương pháp đề phòng. Ở Lyon muốn cho sản phụ năng đến phòng khám nghiệm ấy, người ta đặt lệ hễ một sản phụ nuôi con lấy và 1 tháng ít ra 1 lần đem con đến khám thì được trợ cấp 15 quan. Kết quả rất tốt ; số tiêu nhi thiệt mạng sút hẳn không quá 4%.

Trụ trung, có nhiều trường hợp mẹ không thể cho con bú được, thì dự không đủ sữa, hay sữa rất xấu, không có cách nào chữa.

Lẽ cô-nhiên, phải dùng sữa bò, Dùng sữa bò nên rất cẩn thận. Pha loãng qua, hoặc đặc qua đều có thể hại cho trẻ, khiến cho trẻ không được lành dạ. Chừng mực bao nhiêu, nên hỏi thầy thuốc hay là can cứ vào sự kinh nghiệm riêng của người đã từng biết nuôi con. Những đồ dùng dùng để pha sữa phải rất tinh khiết mỗi khi dùng, nên nấu nước sôi. Vú giả không nên lạm dụng, và hễ 1 khi rơi xuống đất, phải rửa lại nước sôi.

Đại-khái những điều chi dẫn ấy, đều có những phòng thuốc thị lập, hay tư-gia tổ chức ban bố cho sản phụ, nhất là sản phụ nghèo.

Hội lại còn lập những nơi phát sữa (*gouttes de lait*) mục đích cấp sữa tốt cho nh in dân ; thí dụ nơi phát sữa có tiếng : *Gouttes de lait de la Croix Rousse, Oeuvre des Poupons des Brotteaux*.

2) Khuyến-khích mẹ ở gần con.

Mẹ ở gần con là một lẽ tự nhiên : đàn bà nào mà chẳng ước. Nhưng tiếc thay, ở loài người có nhiều ngộ vật : có kẻ mãi đi chơi phố, xem chớp bóng, hay đánh cá ngựa mà phó thác con cho vú. Hạng ấy đáng kể làm gì !

Có hạng người khác vì hoàn-cảnh bó buộc phải xa con. Đối với họ, bên Pháp có nhiều công cuộc tổ-chức giúp đỡ họ.

Ở những nơi thành thị, đông thợ thuyền, sông bừa nầy, lo bữa mai, muốn để cho người mẹ nuôi và trông nom con, những công cuộc bảo vệ đã kể trên không sao giải quyết được. Cố nhiên là vì tình cảnh nhiều người mẹ đành phải đem gửi con chỗ khác. Theo số thống kê thì phần nhiều mẹ hay đem gửi 3 tháng đầu, hay mấy ngày sau cũ. Hạng người đó phần đông là : đàn bà lao động, người bán hàng, hay tiểu công-nghệ, tiểu thương-mại.

Đối với họ có nhiều cơ-quan giúp cho mẹ vừa đi làm vừa giữ con được.

Ta hãy kể đến phòng cho bú (*Chambres d'allaitement*) lập ở các xưởng, các nha buôn lớn, các bệnh viện, để cho người làm công đem

con đến đầy vừa làm vừa cho bú. Chỉ có một sự không tiện là ngày hai buổi phải đem con đi ngoài phố hay đi xe điện, khiến trẻ có thể cảm sốt được.

Những nhà nuôi và giữ trẻ tạm (crèches garderies) đặt từng phố có lẽ tiện hơn. Các người mẹ sáng đem con lại đó gửi, người ta trông nom trẻ, cho ăn uống, tối đến người mẹ lĩnh con về, và đem theo về một ít sữa để đêm cho con ăn.

Lại có một phòng riêng cho người nào muốn lại cho con bú luôn.

Ở Lyon có 10 nhà nuôi trẻ, giữ trẻ lớn từ 15 ngày đến 2 tuổi, số trẻ không quá 5 'l. thể mà ở ngoài tới 13-1.

Cứ so kết quả của crèche với cảnh điều dưỡng của nhiều trẻ nuôi ngoài, ta phải công nhận là crèche giúp ích được cho nhiều gia-dinh.

Ngoài những nơi trông tạm trẻ hàng ngày kể trên (crèches), phải có những nơi giữ trẻ trong một thời hạn lâu hơn, vì có cảnh ngộ, người mẹ không giữ được con. Thí dụ khi người mẹ phải điều trị ở bệnh viện, hay có bệnh lao, hay đã có con mọn lại sắp năm cũ, hay vì sa-sút không có tiền nuôi con,

Thành thử đứa trẻ là một gánh nặng cho người mẹ, Vì lẽ thế nên bên Pháp lại đặt ra nhà công trú tiểu-nhi và biệt trú tiểu-nhi (Pouponnières và centres d'élevage).

Nhà « Công trú tiểu-nhi » Pouponnières có hai hạng :

- 1) Hạng có vú sữa.
- 2) Nuôi trẻ bằng sữa bò.

Pouponnières có vú sữa rất tốt cho trẻ mới lọt lòng : vì những trẻ mới lọt lòng mà uống sữa bò ngay thì nguy hiểm lắm. Hạng này ở Pháp mới có ít thí dụ Pouponnières de Porchefontaine gần Versailles,

Ở Lyon có nourricerie Rémond đón nuôi các hài nhi yếu, sinh ở các bệnh viện, Nourricerie du Vinatier, nuôi hài nhi vô thừa nhận.

Còn ở các Pouponnières khác người ta nuôi bằng sữa bò. Lối này dù cẩn thận cũng nhiều trẻ thiệt mạng, nên người ta chỉ nhận trẻ ngoài tám tháng, và cần những người giúp việc tận tâm.

Ở Lyon, nhà công-trú-tiểu-nhi lập ra ở ngoại châu thành phố, lại có vườn rất rộng. Đấy nhận trẻ lớn từ 8 tháng đến 3 tuổi. Có tất cả 40 giường trẻ con, Trẻ được hít không khí trong sạch, hưởng ánh nắng mặt trời, được nuôi hợp vệ-sinh nên-khỏe mạnh lắm. Số trẻ chỉ 1-1.

Cổ nhiên là nuôi trẻ đông như thế không khỏi có sự truyền bệnh. Nên mấy nam gần đây, người ta có tổ-chức đặt nhà « biệt trú tiểu nhi » (centres

d'élevage), Lối này mỗi trẻ nuôi mỗi nơi có thầy thuốc kiểm soát.

Nói đến đây tôi không khỏi nhắc tới kỷ ức năm 1940, tôi được theo giáo sư Brindeau và bà Prud'hon đến 1 nơi « biệt trú tiểu nhi » cách Paris độ 40 km.

Thoạt vào thấy 1 cái vườn giồng rau, diềm mấy khóm hoa sau tới 1 căn nhà 1 tầng gác xinh xinh, Tưởng là nhà 1 phủ hộ nào, hóa ra chỉ là nhà một người vú em thôi.

Cụ vừa vào tới, thì một người đàn bà bế một tiểu nhi ra trình cụ. Cụ vừa xem, vừa nói cho tôi biết rằng : « Tiểu nhi này sinh thiếu tháng, có bảy tháng. Vậy mà tôi trông tiểu nhi cứng-cát dẻo dề. Người vú lại chỉ cái landau cái xe mới mua của hiệu Samaritaine để cụ và bà Prud'hon xem. Trông thấy như vậy tôi nghĩ « Ở bên ta phải trẻ con nhà giàu mới có cái landau ấy ; Vừa nghĩ vừa ngậm ngùi cho số phận đàn mình.

Cụ Brindeau dặn dò người vú cách săn sóc tiểu nhi, xong thấy M^{me} Prud'hon đưa tiền cho người đó, ý hẳn giả tiền công. — Tôi không khỏi cảm phục thái độ nhân-từ bác-ái của cụ và M^{me} Prud'hon Săn sóc hài-nhi như vậy thì đức chuông tỏ lượng nào bằng,

Nói tóm lại, ngoài những trường hợp bất thường không kể, sự bảo vệ hài nhi ở một nước văn minh như nước Pháp chủ trọng về hai mục-dịch giản dị là nuôi con bằng sữa mẹ và mẹ tự trông nom lấy con. Phương-pháp ấy là phương-pháp các bà mẹ ta xưa vẫn theo Hiện nay, nhất là ở nơi thành-thị, nhiều bà mẹ lại có quan niệm khác : tưởng cho con ăn sữa bò và phó thác con cho vú mới là « văn-minh » có biết đâu sự thật trái hẳn.

BÀ PHAN-ANH

Cấm trích các bài đăng ở T. N. mà không xin phép tác-giả, trừ các báo. Báo nào trích đăng một bài của T. N. xin nhớ đề ngay sau tên tác - giả, giòng chữ : « trích ở báo Thanh - Nghị ra ngày . . . » (Thanh-Nghị viết rõ ràng chữ không được đề tắt).

ÂM-THANH

ĐOÀN PHÚ-TỬ

Kẻ viết mấy dòng này chưa có ý muốn làm một công việc khảo sát có thống hệ về ngôn ngữ Việt-nam, một công việc rất quan hệ, rất cần thiết, song cần phải có bao nhiêu công phu nghiên-cứu sưu-tầm trước đã, mà sưu-tầm tới tận gốc nguồn, nghiên-cứu có qui-mô chắc-chắn. «Người ta không gãi đầu một cái mà nắm được chân lý» Nguyễn Đỗ-Cung) và người ta không phải chỉ búng ngón tay mà xây nên được một quyền ngữ-phạm, — xây ở lưng chừng giới, hoặc xây lên trên một quyền ngữ phạm nào sáo có!

Cái dụng ý của tác giả bài này là ghi lấy vài điều nhận xét của mình về tiếng nói Việt-nam, cái khi-cụ độc nhất thường dùng để diễn tả tình ý của mình và, nhờ về sự thân luyện, mình đã biết rõ được bản-chất và năng lực. Đã từng đi vào trong cái chất của tiếng nói, đã từng phen sống cái đời của mình trong cái sinh hoạt của ngữ-ngôn, và đã từng ý thức được cái tính-thần của tiếng, của lời, nên thấy mình cũng có một phần nhiệm vụ: bổ khuyết vào những điều quan sát lạnh lùng, khách quan, của nhà chuyên-môn thường đứng bên ngoài mà ngắm xét tiếng nói, chưa từng sống chung cái sinh hoạt của nó.

∴

Trong bài này chưa nói đến lời, chỉ luận về tiếng, và trong một phạm vi nhỏ hẹp.

Tiếng nói dùng để diễn tả tình ý, — có khi ta còn mượn tiếng nói để ngụ một cách u-ân những ý tình không diễn được. Hai chữ «tình ý», hiểu theo nghĩa rất rộng, hoặc tình ý tự lòng mình phát sinh, hoặc hội được ở sự vật.

Nguyên do bởi đâu mà *ý-tình* này đã gửi vào trong một *tiếng* này, và *ý-tình* kia lại dùng *tiếng* kia để diễn tả? Nghĩa là, khởi thủy, những âm thanh thuần túy có liên lạc gì với tình ý của người, và tiếng nói đã dựa theo định luật nào mà sinh ra? Về vấn-đề này, những nhà ngữ học, Âu-châu đã xướng lên những giả-thuyết, chỉ đành là giả-thuyết, vì trong những ngôn-ngữ được nghiên-cứu, dù cổ đến đâu, cũng chỉ thấy những tiếng mà hình thể vẫn còn là mới vì đã biến đổi bao lần. Về vấn-đề nguồn gốc tiếng nói, trong ngôn-ngữ học, «vẫn chưa thoát được phạm-vi giả thuyết suông», theo lời thú nhận của một nhà ngữ-học, (A. Darmesteter). Huống chi kẻ viết bài này, say mê có một thứ tiếng mẹ đẻ, dám mong giải quyết được gì!

Song, tiếng Việt-nam chưa hề được các nhà ngôn-ngữ học nghiên-cứu tỏ-tường, chưa được căn-cứu đề khoa ngữ học suy-nguyên mà xây nên một giả-thuyết nào mới, hoặc soát lại những giả-thuyết cũ, thì vấn-đề kia đâu đã gọi là hết phương giải quyết. Biết đâu «một công cuộc nghiên-cứu, đến bây giờ chỉ thuộc về siêu-hình-học» (Darmesteter) lại không nhờ sự khảo sát tiếng Việt-nam mà thêm những ánh sáng mới, rực rỡ và quả quyết hơn?

Xét trong tiếng nói Việt-nam, ta nhận thấy một số gần nửa đã được *kết tạo* theo một định luật rất rõ rệt, có thể tuyên vắn-tắt như thế này: «*Âm thanh vốn sẵn có năng lực diễn tả tình ý.*»

Cái năng-lực ấy cũng đã được các thi gia Pháp hiểu tới và tìm cách ứng-dụng vào văn thơ (1), song sự ứng dụng đó chật-chội, nghèo nàn và vụn vặt quá, không lợi gì cho vấn-đề ngữ học kia, vì tiếng Pháp là một thứ tiếng đã biến hình-thể nguyên thủy bao lần, không còn là là âm thanh thuần-túy nữa. Trái lại, trong tiếng Việt-nam, trừ một số mượn ngoại ngữ, hoặc biến thể, còn đến gần nửa là những thanh âm thuần túy có thể soi sáng cho ta vấn-đề kết tạo tiếng nói.

Nay ta hãy tạm gác vấn-đề ngữ học kia sang một bên, tĩnh tâm đi vào cái thế-giới âm-thanh của ta.

Ta sẽ thấy mỗi *âm* có một tình ý riêng, mỗi *thanh* có một tứ lạ gửi vào tình ý nọ, và âm thanh chế biến vô cùng để diễn tả muôn vàn ý niệm.

∴

Trước hết, ta hãy phân biệt và phân tích hai tiếng *âm* và *thanh*.

Âm tức là tiếng, do những giây phát âm (cordes vocales) nhờ hơi trong phổi thổi ra làm rung động. Nếu những cơ quan trong miệng không chuyển động, chỉ riêng đôi môi mở ra theo những hình dạng khác nhau, thì âm phát ra rất đơn giản, gọi là *nguyên âm*. Tiếng ta có 9 đơn: a, e, ê, i, (y), o, ó, ơ, u, ư. Có khi nhiều nguyên âm đơn cùng phát liên nhau trong một hơi thổi, thành những nguyên âm kép: ai, eo, oay, ươu, v. v... Nếu có một vài cơ quan trong miệng chuyển động, hoặc trước hoặc sau khi phát âm, mà thành những *phụ âm* (b, m, p, t, v, r...) thì nguyên âm bỗng biến thành một vẻ khác; ví dụ: a có thể biến thành: ba, xa..

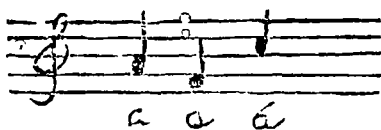
(1) Harmonie imitative; harmoniques des sens combinés des harmoniques.

(nếu phụ âm tới trước nguyên âm) hoặc: *am*, *ap*, *ang*, *át*,... (nếu phụ âm tới sau, khi đó thì nguyên âm biến hẳn sang một vần khác). Mỗi phụ âm lại biến nguyên âm thành một vẻ khác, sẽ xét trong đoạn sau.

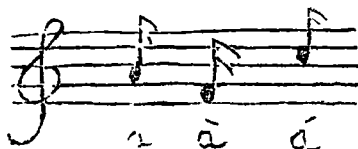
THÀNH tức là giọng cao thấp khác nhau khi phát âm. Cũng một âm: *la*, có thể lên cao giọng: *lá*, hoặc xuống thấp giọng: *là* v. v... (Vậy *thanh* đã thuộc bề phạm-vi âm nhạc rồi. Và tiếng Việt-nam đã có một tính cách âm nhạc tự nó).

Ta có 8 thanh khác nhau. Như một âm *a*, có thể chuyển thanh 8 thứ giọng: *a*, *â*, *á*, *à*, *ã*, *át*, *ạt* (hai giọng sau gọi là nhập thanh).

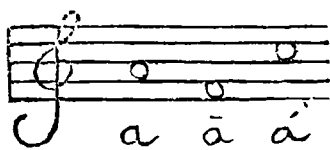
Trong 8 thanh đó, ta nhận thấy 3 thanh đầu là những giọng đơn giản và thẳng thắn, có thể ghi bằng những dấu âm nhạc giản-dị:



và có thể ngân dài đến đâu cũng được. Đó hoàn toàn là 3 cung bậc của âm nhạc. Có thể nói:



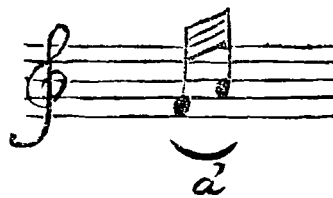
hoặc



cũng được.

Còn thanh thứ tư (*à*) thì thực là không có giá trị âm nhạc, như dây đàn đang rung mà bịt đi, tiếng người đang kêu mà nghẹn lại. Không hợp vào cung bậc nào của cây đàn, và không thể nào ngân nga được. Ngán-ngủi nghẹn-ngào, nặng-nề, bức-bội. (Khi hát, gặp phải thanh này, phải biến nó thành: *ã*, như giọng miền Nam: *bẻ-hạ* thành *bẻ-hã*; hoặc *à* thật thắm như giọng miền Trung: *tám-sự* vần hạn thành ra vần hạn *tâm sự*, thì mới kéo dài được).

Thanh thứ năm (*ã*) là một thanh phiền phức, khi mới cất giọng thì là thanh *à*, rồi không ngừng hơi, vượt lên đến thanh *á*. Đọc *á* liền lại thì thành *ã*. Vì thanh *ã* do hai giọng đơn *à-á* hợp thành, mà hai giọng này đều ngân nga dài được, nên giọng *ã* là một giọng uyển chuyển, lại có thể ngân dài được, và hợp được vào cung bậc âm nhạc.



Thanh thứ sáu (*ă*) cũng là một thanh phiền phức, mới cất giọng là *à*, rồi bật sang giọng *á*. Đọc: *á* liền lại thì thành *ă*. Vì trong đó thanh *à* nặng-nề, chẹn lại, nên thanh *ă* cũng không ngân dài được, không phổ vào đàn được. Đương nghẹn ngào tức thở, thanh *à* bỗng được bật ra một tiếng kêu *á* rồi im hẳn: đó là thanh *ă*, ngán ngủi, sửng-sờ.

Còn hai thanh *át*, *ạt* là do hai giọng *á*, *à* bỗng vấp vào một phụ âm ngắt giọng: *t* (cũng như: *c*, *ch*, *p*) nên dừng phắt lại gọn-gàng. Hai thanh này khép ym lại, không ngân nga được nữa.

Tất cả cái chất kêu của tiếng nói Việt-nam là gồm trong hai chất *ám* và *thanh* đã được phân tích rõ ràng ở đoạn trên rồi vậy. Phân tích có vẻ tỉ-mỉ quá, song ta sẽ thấy là còn cần phải tỉ-mỉ hơn nữa khi ta xét đến cái năng lực diễn tả tình ý của những âm thanh trong tiếng nói Việt-nam.

∴

Ta hãy nói tiếng: *ong*. Ngoài cái nghĩa: một giống côn trùng có cánh, ta còn nhận thấy tiếng đó gợi cho ta một hình dáng đặc biệt, hình dáng của cái gì không phẳng lì, không ép giẹp mà cong lên, tròn lên, phồng lên như hình dáng miệng ta khi sửa soạn để phát âm đó ra. Ta thử nhắc lại vài lần: *ong*, *ong*... ta sẽ thấy hình như ta muốn gửi vào trong âm đó một cái ý niệm đặc biệt về hình dáng. Rồi ta ngẫm lại những tiếng ta thường dùng mà có cái âm đó, thường là tả một ý-niệm hình-dáng tương tự. Ví dụ:

Cong: cái gì không thẳng, uốn thành hình tròn. Từ ý đó chuyển sang những ý: *Còng*, *cóng*, *cồng*, *cỗng*, *vồng*, *vòng*, *tròng*, *bóng*, *ông*, v. v...

Ta sẽ nhận thấy âm đó tự nó tả được nhiều ý niệm có liên lạc: trước hết ý *cong* tròn, rồi đến ý rời lõ không dính nữa (*bong*, *long*...), rồi đến ý rời-rạc không gọn-gàng (*lòng-thông*, *lõng-thõng*), không quện chặt (*lỏng*), v. v...

Những âm tương-tự âm đó, ta lại thấy tả được những ý niệm tương tự, có hơi khác hình dạng đôi chút. Ví dụ:

Ông: cũng cái ý *cong* tròn, mà mạnh-mẽ hơn, cứng cáp hơn. Ví dụ: *phồng*, *bồng*, *mồng*, *vồng*, *lồng*, *chồng*, *lồng-cồng*, v. v...

Ung: cũng ý đó, mà thường âm thầm kín đáo. Ví dụ: *bung*, *bùng*, *bụng*, *bùng*, *vung*, *vùng*, *trùng*, *thùng*, *thúng*, *lúng* - *búng*, *phụng* (*phụng-phính*), *phụng* (*phụng-phịu*), v. v... Hoặc những ý có liên lạc với ý chính: *khủng*, *sững*, *vững*, *nững* (*nụ*), v. v...

Trái lại với những ý-niệm đó ta là những ý-niệm ta gửi vào những âm: *áp, áp, ép, v. v...* tả cái gì liền dính lại.

AP: ý nhẹ nhàng ngất. Ví dụ: *áp-rap* (nằm rap), *nháp* (nhóp nháp), *giáp*, v. v...

EP: dính mật thiết hơn. Ví dụ: *bep, giép, kếp, kếp, mép, nhép, lép, lép-nhép, v. v...*

ÁP: mạnh-mẽ hơn, nặng-nề hơn. Ví dụ: *gấp, gáp, giáp, áp, vấp, rấp, đập, chập, nấp v. v...*

Ngay những âm trên kia, *ong, ông, ung*, vốn tả cái ý cong tròn hoặc rời lõ một cách liên-miễn, nếu biến đi đôi chút, vấp phải một phụ âm ngắt tiếng (c), lại tả những ý-niệm tương tự, song ngăn ngắn, cộc lốc. Ví dụ:

róc: lở ra một cách gọn-gàng;

ngóc: ngàng dậy một cách nhỏ nhắt;

tốc: mở ra một cách tàn nhẫn, thô bỉ;

bực: thũng một cách dữ dội. v. v...

Ta hãy đi sang một loại âm khác hẳn. OA: miệng ta chuyển từ O, tròn nhỏ, sang A, rộng lớn hình như muốn tả một hình dáng, một cử động gì đi từ nhỏ hẹp, đến rộng lớn. Thử xét những tiếng có âm đó:

1.) *oà, xòa, xoa, hoa*: (múa vung lên), *tỏa, xỏa, lóa, lóa, nhóa, v. v...*

2.) *oang-oang, choàng (...dậy), toang, laang (...lồ)* *toác, hoác, xoác, thoác, v. v...*

Thấy đều tả một ý-niệm tương tự, chứa sẵn trong nguyên âm OA.

Cũng một ý-niệm đó, mà mềm-mại nhẹ-nhàng hơn, ta gửi vào một âm tương tự song dịu-dàng hơn: OAI:

choãi, thoai-thoãi, (nằm...) *xoãi, nhòai, choai* (đang-lớn lên) v. v...

Một âm khác nữa: EO. Hình như một hình-dáng gãy khúc hoặc thu nhỏ lại, một cử động lắt-léo, không thẳng thắn, một vật xiêu-veo hoặc thót lại. Ví dụ:

eo (...bề: chỗ bề thót lại), *kéo*: (hai lưỡi bắt chéo), *xéo* (: da thịt khó quắt lại), *kéo* (...chân), *queo, veo, chéo*, (lắt...) *léo*, (õng...) *eo, ẻo* (lả...), *feo* (: bé quắt), *dẻo, méo, nheo, leo* (khô quắt lại), *véo, héo, nhèo, vèo, v. v...*

Âm: OI. Hình như tả được một cử động đặc biệt; lấy một vật gì ở trong một đồng ra, lôi một vật gì lại gần; hay một dáng điệu tương tự. Ví dụ:

cời, cời, xoir, vơi, bời, rời, toi-bời, roir, khơi, bời, v. v...

Những tiếng *quanh, khoan, ngoảnh* chẳng qua đã diễn được những cử động đã chứa sẵn trong âm chính, là: OANH.

Và những tiếng *um-tùm, dùm, tùm-tùm, hùm* (...hụp) *chùm, chũm, trùm, bùm, ngum, xum*, cũng đều tả được những vẻ khác nhau của một ý-niệm chính, đã chứa sẵn trong âm chính là: UM.

Ta có thể tìm rất nhiều âm khác, ta sẽ thấy là

mỗi âm vốn chưa sẵn cái sức kêu gọi ít nhiều hình dáng, ít nhiều tình ý. (Ví dụ: mỗi tiếng *thùng, thò* thêm vào tiếng *thẹn*, mỗi tiếng *ngừng ngấp, ngịu* thêm vào tiếng *ngượng*, đã đem lại một tình ý đặc biệt cho tiếng chính, v. v...)

Và ta cũng sẽ nhận thấy rằng: mỗi nguyên âm lại nhờ những phụ âm khác nhau làm biến cái vẻ cũ, đổi cái tình ý cũ thành những tình ý mới, tương tự hay có liên-lạc gần xa, vì mỗi phụ âm cũng lại có một tình ý riêng. Ví dụ: ở trước nguyên âm, thì phụ âm *ph* tả được cái ý phập-phồng (*phảng-phất, phơi-phồng, phỉ-phèo, phào, phưỡn phả, phồng, v. v...*), phụ âm *th*, tả được cái ý nhẹ-nhàng, hơi hợt (*thoảng, thơ-thần, thông thợt, thấp-thoảng, thút-thần, thủ-thỉ, thở, thùng-thình, v. v...*). phụ âm *x* tả được cái ý cọ xát, hay khô-khan (*xiết, xỉn, xỉ, xơ-xác, xõe, xoa, xoe, v. v...*); — ở sau nguyên âm, thì phụ âm *ng*, tả được cái ý kéo dài, không dứt, (*đàng, thẹn-thù g, chùng-chàng, vung, phồng*), phụ âm *n* tả được cái ý gọn-gàng (ngắn-ngủn, gọn, vền, quăn, chùn, vùn...), phụ âm *c, t, p*. *ch* thì tả được cái ý ngắt đoạn, hay tằm tức (cắt, xấp, dứt, bực, tắc, rách, cách, ặch): vân vân...

Các nguyên âm tả những tình ý rất đơn giản, đại khái; khi sắp vào các phụ âm thì biến đổi vô cùng, và tả được rất nhiều tình ý khác nhau (2).

Mỗi khi một âm chuyển giọng, thì tình ý lại nhuần một màu sắc mới. Mỗi *thanh* vốn cũng có một tình từ riêng, hình như ta đã thấy rõ trong khi phân tích ở trên kia.

Thanh *a* (phụ bình thanh) nhẹ nhàng trong trẻo nhất, nhạt-nheo và hững-hờ nhất, nên tả được những ý từ mong manh, nhiều khi không có màu sắc gì rõ rệt. Ví dụ: *cong, xoa, êm, vương*.

Thanh *à* (trầm bình) âm-thầm, tung bồng, thâm-trầm, tả được những từ dề-dào hơn. Ví dụ: *cồng, xòa, mềm, nhèo, phồng, bồng, chìm, v. v...*

Thanh *á* sắc-sảo cứng-cáp, mạnh-mẽ, thẳng-thắn, tả được những dáng chắc chắn, những cử động hăng-hái, quả quyết. Ví dụ: *cóng, xóa, cung, đứng, bắn, quánh, vương*, (so với *vương*) v. v...

Thanh *â* uyển-chuyển, từ thấp lên cao (*à-a*) như một dáng hoạt-động mà mềm dẻo, một cử động không muốn ngừng, dở-dang chưa đến chỗ cùng. Ví dụ: *ngả* (: xiêu dần dần), *hững* (: sáng dần dần) *ứng* (: đồ dần dần), *dẻo, dõ, bồng, bả-lả, ngùn, dõ, giở, mủm-mỉm, thủ-thỉ, lưỡng, vương, thảng, v. v...*

Thanh *ạ* tả được cái ý nặng-nề, nghẹn ngào, ỉm lặng. Ví dụ: *nặng, nghẹn, chẹn, thẹn, ngượng, lặng, xỉ, bịu-riù, phụng-phịu, cựa-quậy, v. v...*

(xem tiếp trang 12)

(2) Tôi sẽ có dịp bày tỏ có thứ tự và phương pháp, những tình ý của từng nguyên âm, từng phụ âm trong tiếng nói Việt nam đây chỉ là đại quan.

TRU'Ò'NG CAO - DẪNG THỀ - DỤC

ĐINH GIA - TRINH

(tiếp theo)

PHƯƠNG PHÁP HUẤN LUYỆN

I — Chia học trò thành đoàn

Trong học khóa thứ hai vừa rồi (2e stage ; Janvier, Février, Mars) có vào khoảng 160 người theo học trường Cao-dẳng thể-dục Phan-Thiết. Học trò chia ra thành từng đoàn (sections) tùy theo sức khỏe và tài năng đã sẵn có của họ trong các môn điền kinh. Nguyên tắc gốc trong sự lập đoàn là để những người tương tự nhau về cơ thể về sinh-lý cùng theo những bài luyện tập hợp với sức và tài của họ (adaptation des exercices).

Một viên y sĩ của nhà trường chuyên khám sức khỏe của các học trò. Mỗi học trò có một tờ giấy đề biên kết quả sự khám xét và đo (fiche biométrique) khám xem các cơ quan tuần hoàn và hô hấp có được lành mạnh không, đo bề cao đứng và ngồi, đo vòng ngực khi thở ra, khi hít vào, đo sink lượng (capacité vitale), xét mạch (pouls). Những kết quả đó khiến viên y sĩ có thể tính được số pignet (indice de pignet) cho mỗi người và hiểu đại cương độ lực lưỡng của người ấy. Sau khi khám sức khỏe các học trò lúc mới vào trường phải qua một kỳ sát hạch để xem độ sức lực và tài năng điền kinh của họ. Những kết quả của cuộc sát hạch ấy (performances) dùng để lựa chọn xếp đặt mỗi người vào một đoàn hợp với họ. Về mỗi môn điền kinh đã có định sẵn số điểm theo những kết quả (Thí dụ : nhắc được tạ (gneuse) 30 cân thì được 10 điểm, nhắc được tạ 40 cân thì được 17 điểm. — Lên được thanh gỗ ngang một lối (un rétablissement) thì được 17 điểm, lên 2 lối thì được 27 điểm v.v...). Sau khi cộng điểm, tùy theo số điểm, cao thấp, các học trò sẽ được xếp đặt vào một đoàn nhất định. Các thí sinh phải biểu diễn 9 môn điền kinh : nhảy cao (saut en hauteur), nhảy dài (saut en longueur), nhắc tạ (lever de gneuse) lên barre (rétablissements), leo giây (grimper à la corde), ném tạ (lancer du poids), chạy nhanh 100 thước (course de vitesse 100m.) chạy 800 thước, chạy 150.

Trong khóa thứ hai, trường C. Đ. T. D. Phan Thiết có 5 đoàn học trò : đoàn thứ nhất (1ère section) là đoàn những người yếu và ít tài năng điền-kinh (sections des faibles) ; rồi tới các đoàn trung bình (sections des moyens), đoàn khỏe (section des forts). Đoàn thứ năm (5e section) là đoàn các lực sĩ (section athlétique) gồm có các người vừa khỏe vừa có luyện tập công phu từ trước. Ta nhận thấy ở đoàn thứ năm trong khóa học thứ hai vừa rồi có bạn Trần-Tú, lực sĩ có tiếng của hội Septo Hà-Nội, khi thi ra đã đổ đầu về điểm số các môn điền kinh, có các bạn Hải, Loát cũng ở hội Thể Dục Hà-Nội, có bạn Đặng-hồ-Khuê, võ sĩ vô địch Đông-Dương mà người ta đã được khen ngợi trên các báo. Trong số học trò người Pháp cùng học với học trò Đông dương, có bạn Duchêne đã là vô địch học sinh ở Pháp.

Vậy thì trong sự phân chia học trò thành từng đoàn, người ta không căn cứ vào tuổi thực (âge réel), mà căn cứ vào tuổi sinh lý (âge physiologique), cho nên một người 18 tuổi có thể ở đoàn lực sĩ và một người 30 tuổi kém luyện tập có thể ở đoàn những học trò yếu.

Mỗi đoàn có một huấn luyện viên người Âu giầy, và một huấn luyện viên người nam giúp đỡ. Các huấn luyện viên của trường C. Đ. T. D. Phan Thiết phần nhiều là những lực sĩ có biệt tài : họ là vô địch ném đĩa, ném tạ hoặc vô địch chạy 100 thước, 200 thước, 400 thước v.v.

II — Làm việc

1 — LUYỆN TẬP THÂN THỂ

Nói đến thể dục, có người không quan niệm rõ nghĩa của nó và không hiểu luyện tập thân thể là hoạt động ra sao. Muốn luyện thân thể người ta có thể đứng trước một chiếc gương, trong phòng, cầm quả tạ vận động chân tay ở một chỗ. Lối tập ấy có thể cho các bạn những cánh tay to, một thân hình cân đối, nhưng kết quả thường phải lâu mới có, và lại ý chí của người ta cần phải mạnh lắm mới giúp được ta chống lại được sự chán nản. Theo phương pháp ấy các bạn có thể tạo được cho mình một hình dáng khỏe mạnh, nhưng ngoài đời bạn có lẽ thiếu mau lẹ, ra nắng gió có lẽ bạn mệt nhọc chèo cây, nhảy hố bạn không thông thạo.

DÔNG-DU'Ò'NG Ở PHAN-THIỆT

Người ta lại còn tưởng luyện tập thân thể là đem những bộ chân khẳng kheo những bộ ngực lép kẹp ra chạy vung vãng trên sân đá bóng, đánh ban đầu. Những người tưởng thể dục chỉ là rờn vờ quả bóng, chạy rạc người trên các bãi cỏ, là những người đã không hiểu sự nguy hiểm của những môn «thể thao» ấy đối với cơ thể. Những người đó có thể rất yếu đuối trước bệnh tật. Muốn trở nên một cầu tướng trước hết phải luyện tập để trở nên một lực sĩ đã, ta phải tìm căn bản sức khỏe ở thể-dục rồi mới nên tập đến các môn thể thao. Những cảnh tượng trẻ con 12, 13 tuổi đá bóng trên các bãi cỏ thành thị và thôn quê, thở hồng hộc thật đáng làm ta nản lòng. Vậy thể-dục (éducation physique) không được lẫn với lối vận động chau dỗi thân thể tiếng pháp gọi là culture physique, và với các môn thể thao (Sports.)

Mục đích của thể dục là làm cho người ta khỏe. Muốn đạt tới kết quả đó, người ta phải vận động theo phương pháp, phải khiến các bắp thịt làm việc thực hiện, trong những buổi biểu diễn công cộng của hàng trăm nghìn học trò, người xem thường chỉ chú ý đến sự ngoạn mục, đến sự vận động chân tay của mọi trò đều nhau không có kẻ chậm kẻ nhanh, còn thì đều các bắp thịt có làm việc thực hiện không người ta, không quan tâm đến. Thể dục không phải chỉ có mục đích duy nhất là để biểu diễn, mục đích chính của nó là làm cho mỗi người anh và tôi đều khỏe, nó không quan tâm gì lắm về sự đều rậm rạp, hàng thẳng, vòng tròn hoàn toàn, (những tập luyện cá nhân, exercices individuels, trong mỗi thứ vận động). Nhưng khi cần trật tự và kỷ luật trong các môn chỉ trật tự mới có ý-nghĩa thì sự đều và thứ tự trong vận động lại cần phải có ; khi huấn luyện viên ra mệnh lệnh bằng mõm hoặc bằng còi, khi đi theo nhịp khi đi đều hát.

Phương pháp huấn luyện thể dục ở Phan Thiết là một phương pháp đặc biệt dung hòa phương pháp tự nhiên của Hébert (méthode naturelle de Hébert) với phương pháp dùng ở trường thể dục Joinville bên Pháp. Mục đích của

phương pháp ấy là luyện nên những người vừa khỏe mạnh vừa dẻo dai, có thể sống dễ dàng trong những trường hợp khó khăn, nguy hiểm của cuộc đời, là tạo nên những người mau lẹ, dạn nắng gió, không sợ phong sương, đủ điều kiện để trở nên những chiến sĩ giỏi giang. Trong phương pháp ấy có một ít lối vận-dộng giống như ở trong phương pháp Thụy điển (méthode suédoise) có những môn vận động trông khoảng đặt để luyện mau lẹ và dẻo dai, có những môn thể thao thông dụng (bóng tròn, bóng rổ, bóng bầu dục v.v...), có những môn có ích lợi thực dụng (vật, đánh võ chạy piste Hébert...) Điểm chính của phương pháp ấy là luyện cho dai sức, cho quen khó nhọc.

Phương pháp huấn luyện thể dục ở Phan Thiết đi rất gần tới phương pháp tự nhiên : tập ở giữa giờ bên cạnh bể bơi, trong một bầu không khí trong sạch ; tập ở ngoài nắng gió, tập cho dạn quen với các sự đổi thay của thời tiết. Hai giờ rưỡi trưa, trên sân vận động không một bóng cây, mình trần, đầu thường không mũ, các bạn chắc cũng hiểu không phải ai ai buổi đầu cũng chịu nổi.

Thể dục phải có hiệu quả là nở nang thân thể và khiến thân thể dẻo dai, mau lẹ. Một người to lớn trông bề ngoài lực lưỡng mà nhẩy giải vài ba thước, nhẩy cao một thước, không leo nổi một thước giây, không chạy nổi một quãng vài ba cây số thì có phải là người khỏe không ? Ta giả nhời : những người ấy không khỏe, vì khỏe theo ý chúng ta, phải là «sức lực đi với dẻo dai nhanh nhẹn» (la robustesse alliée à la vitesse et à l'agilité).

Vì thế nên ở trường C. Đ. T. D. Phan Thiết, phương pháp luyện tập thân thể mục đích là vừa làm nở nang thân thể, vừa luyện cho học trò dai sức, trở nên một người có một tài năng thể dục hoàn toàn. Buổi sáng tập một lượt các môn vận động các bắp thịt tay, chân, lưng, bụng, ngực v.v. ; rồi sau tập các môn cần phải có dụng cụ và nhiều không gian : chạy,

(Xem tiếp trang 26)

ÂM - THANH

(Tiếp theo trang 7)

Thanh ă tả được cái ý sưng-sờ, cái cử động dựng đứng, hoặc cũng ngán-ngủi, vụn-vật, và cũng cả cái ý trơ trên nữa. Ví dụ: *đỗ, ngẩ, vũ xững, chững, hững-hờ, lững-lững, bển-lển, lển, bỡ-ngỡ, dĩ-thỏa, chơ-chẽn, lồm-bồm, mồm-mĩm, tũn-tũn, thờ-thẩn, vờ-vĩnh, bỗng, lả-chẽ, xõa, giũ, rũ, v. v...*

Còn hai thanh *át, ạt* (nhập thanh) đã xét qua trong đoạn nói về âm (ở trên),

Âm thanh chế biến, muôn hình trạng, tả hộ ta muôn tình ý. Nghe một tiếng, trước khi hiểu biết, ta đã trực tiếp lĩnh-hội được tình ý của âm thanh thuần-túy. Một người Việt-nam, lần đầu tiên nghe thấy nói những tiếng: *lờng-khờng, mon-man, mon-men, oặt-ọ, dẹo, mềm, cóng, toạc, quỳnh, long-dong, mướ!*, v. v... cũng cảm ngay thấy cái tình ý đại khái của những tiếng đó, trước khi tìm hiểu rõ rệt ý nghĩa trong một quyền tự-vị tốt (nếu có!)

Có một điều ta phải cần nhận ngay, là những ý tả được bằng âm thanh thuần túy, phần nhiều là những ý *dáng*, và ý *sự*, còn ý *vật* rất ít, chỉ khi nào ý *vật* có chứa rõ rệt một ý *dáng* hay ý *sự* nào (ví dụ: *hòn, thúng, bõ, v. v...*) Và lại những tiếng chỉ *vật*, vì nhiều lẽ, không tả được vật mấy: một là có lẽ lâu ngày những vật đã đổi hình dạng, hoặc những tiếng đã bị nói sai dần; hai là rất nhiều tiếng chỉ vật đã mượn ở ngoại ngữ, nên không còn là những âm thanh nguyên thủy nữa.

Vì vậy ta sẽ tìm thấy một số lớn những tiếng Việt-nam có những nghĩa không liên-lạc gì đến tình ý của âm thanh cả. Song điều miễn-khoản đó không mâu thuẫn gì với định luật của ta, chỉ làm cho định luật vững chắc thêm mà thôi. (*l'exception confirme la règle*).

..

Luật thanh của ta có giá-trị gì không?

Ở đầu bài luận này có nêu lên một vấn-đề to-tát: «vấn-đề nguồn gốc tiếng nói». Hình như có ý đem luật âm thanh này để giải quyết vấn-đề kia vậy! Đó là một ý nghĩ táo-bạo và ngông cuồng, chưa hề bao giờ thoáng qua trong trí kẻ viết bài này. Chẳng qua là một vài điều nhận xét ngấm-nghĩa bao lâu, cũng muốn ngỏ cùng những ai chuyên tâm về ngữ học để thử xét xem cái «*luật kết tạo tiếng nói Việt-nam*» có thể giúp ích gì cho vấn-đề khó khăn kia chẳng. Đó chỉ là một điều mong rất xa xôi.

Song, đứng trong một phạm-vi nhỏ hẹp thôi, phạm-vi tiếng Việt-nam, thì cái luật ấy có một giá - trị rất chắc - chắn, về hai phương-diện:

phương-diện ngôn-ngữ và phương-diện văn-chương.

Về *phương-diện ngôn ngữ*, đó là một luật rất phong phú, đã giúp người Việt-nam, khi không, đặt ra vô vàn tiếng nói để diễn tả tình ý, đặt ra một cách dễ dàng, vô tình, không phải dùng đến trí thông minh, lý luận. Mỗi khi có một tình ý gì, hoặc tự lòng sinh ra, hoặc hội được ở sự vật, một tình ý đơn giản, có màu, có dáng, chỉ việc gửi vào một âm thanh thích hợp, để tự nó diễn tả hộ mình, một cách bóng bẩy vô cùng. Tìm được âm-thanh thích hợp, chỉ cần có một thiên tính chắc-chắn, tươi tốt. Và những người ít học thức nhất, ngây thơ, chất-phác nhất, những người nhà quê, những con trẻ, lại là những người kết tạo tiếng nói dễ dàng và may mắn nhất, vì cảm-giác còn tươi-tắn, mới-mẻ. Những người chất-phác đó, hiện nay, hằng ngày vẫn đặt ra tiếng mới theo cái luật âm thanh nọ một cách vô tình, trong khi những bậc trí-thức vui đầu trong sách vở để tìm tiếng nói nào trong ngoại ngữ.

Trong khi chúng ta vất vả tìm những lối nói thông thái để tả một vị ăn, thì một người ngu-độn kia đã bất giác kêu lên một tiếng rất đúng: «ngọt *xót*», «ngọt *lịm*», «ngọt *lừ*», hoặc «chua *ruoi-ruoi*», «chua *ron-rót*», hoặc «chát *xít*», «chát *lè*», hoặc «đắng *ngắt*», hoặc «nhạt *teo*» v. v... mà ta nghe thấy tưởng chừng như một tiếng đã có tự bao giờ.

Về *phương-diện văn-chương*, nhất là về thơ, luật âm thanh đó quan-hệ vô cùng. Ta đọc một câu thơ, thấy trong tâm hồn tung-bùng, rộn-rã, hoặc thấm-thía, bao nhiêu cảm-xúc dỗi-dào. Ta không ngờ rằng những âm thanh đã hòa hợp-với nhau một cách kín-đáo, để len vào cảm-giác ta những tình ý, những hình dáng nhịp-nhàng tiết-tấu làm cho ta rung-động vô tình, chưa kịp tìm-tòi hiểu biết ý nghĩa câu thơ, câu chuyện bức cảnh, hay mối tình của thi sĩ định tả, định thuật. Ta vô tình, mà thi sĩ cũng vô tình nốt. Từ tạo vật đến thi sĩ, từ thi sĩ đến ta, THƠ đã làm tràn, đã thấm-thía bằng Nhịp Điệu, Tiết Tấu, bằng ý tình u-ẩn của âm thanh, ta được rung động, được cảm-xúc là nhờ ở lòng tươi-tắn, lòng thi sĩ trong-trẻo, và Thơ đã vào hai tâm hồn chất-phác hồn-nhiên, rộng mở.

Song, từ lúc ta khôn ngoan tìm hiểu câu thơ, (hiểu theo nghĩa thông thường) tâm hồn ta đã dè-dặt, khép kín lại, và hai cái ống nhòm «*quan sát*» và «*phê phán*» đã bùng bit lấy mắt ta, và đã chặn cả đường lối không cho Thơ vào ta được nữa.

Trong một câu thơ của một thi sĩ thiên tài, ở những chỗ ngừng hơi, một tiếng thường có cả cái giá-trị *âm* và *thanh* của nó và xây trong tâm hồn

(Xem tiếp trang 25)

MỘT hôm, nhân bàn việc quyền tiền để tậu một miếng đất giáp Hội Trí-tri Hà-thành làm sân thể-thao cho học-trò và tậu một ngôi nhà làm phòng giầy vình-viễn cho Hội Truyền-bá quốc-ngữ, một bạn thanh-niên có chân trong Hội đứng lên nói rằng :

— Sao những hội học như hội ta không dạy cách... làm giàu, cho nước ta cũng có hạng người trung sản sẵn tiền giúp việc công-ích, việc cứu-lẽ ? Mỗi khi cần tiền làm việc công, đành phải bó tay, không vịn vào đâu được ! Vì tiếng vậy, nước ta chưa làm gì có một hạng người trung-lưu vừa có tiền, vừa có học, vừa có cả giáo-dục nữa. Người Tây cho hạng người đó (bourgeoisie) vào phần lạc-lỗi hơn cả trong quốc-dân, vì hạng đó đã từng cần-cù và cần-kiệm trong hai ba đời, mới tích-lũy được tài sản về vật-chất ; về trí-tuệ, về tinh-thần. Nước ta, dù nghèo-túng đến đâu, cũng nên theo cái gương đó, bắt đầu học lấy những tính cần-lao tiết-kiệm, cho sớm có một hạng người trung-sản ra gánh vác việc đời...

Các bạn thanh-niên đang tũm-tũm cười, thì một hội-viên nói tiếp ngay rằng :

— Tôi rất tán-thành lời đề-nghị đó. Nghề gì chẳng là học ? Nghề làm giàu cũng phải học : phải biết cách giữ lấy đồng tiền hiện có mà sinh lợi ra, đừng đem phung-phí vào những thói đời thường ưa-chuộng, như việc khao-vọng, việc cưới-xin, việc ma-chay. Vậy trước khi mở những trường thực-dụng những lớp bổ-lức, trước khi bàn đến cách dạy

THANH-NIÊN DỐI VỚI SỰ' HỌC

ứng-hòe
NGUYỄN-VĂN-TỎ

các khoa-học, các nghệ-thuật để đem ra ứng dụng vào công nghệ, vào thương-nghiệp, các hội-học nên hò hào làm việc này : bắt trừ các tục xấu thói dở, tiết dần những cái mồm độc no đã làm tiêu-ma cái nguyên-khi của đồng bào và đã xô đẩy biết bao nhiêu gia-đình vào cảnh điêu-tàn ! Những hội học nên gây lấy cái phong-

trào này, trước là để cảm-hóa xã-hội, sau là để ngăn-ngừa những sự khuynh-gia bại-sản nó đã làm đình-trệ các việc cải-cách trong dân-gian..

Một bạn thanh niên bẻ rằng :

— « Không nên cải-cách to-tát lắm, dù theo lý-thuyết hay đến đâu cũng hại ; phải thông thả dần-dà, phải giữ lấy cái chế-độ cũ, nhưng đòi dần đi : đó là lời các nhà chính-trị ; nhưng dù thế nào nữa, câu chuyện mà chúng ta đang bàn đây có lẽ hơi ra ngoài cái tôn-chỉ của những hội học.

Một người bèn hỏi ngay rằng :

— Thế thì học để làm gì ?

Người thì bảo « để kiếm gạo », « để làm quan », kẻ thì bảo « để lấy vợ giàu » !

Ngoài những thuyết duy-lợi ra, còn có nhiều ý-kiến hay, tưởng nên chép ra đây để mở rộng con đường thanh-nghị.

Người chủ-trương thuyết dạy làm giàu nói rằng :

— Học để ra sức chiến-đấu với các tệ-tục, để cho cách sinh-hoạt đỡ tầm-thường mà có thi-vị một chút.

Người phản-đối những sự cải-cách lớn nói thêm rằng :

— Nhưng phải giữ lấy cái nền-nếp cũ, phải tôn-trọng những kỷ-cương làm gốc cho sự sinh-lồn nước nhà, đừng để cho vong-bản, vì ai cũng công nhận rằng « đã mất cái tinh-thần của chủng-tộc thì là mất hết, không thể khôi phục được nữa ».

— Có lẽ thế. Ta có câu « Ăn láy sống, ở lấy sáng ; khôn thì sống, bống thì chết » Không học thì sao khôn được ?

Thông-chế Pétain đã nói :

« Các người chớ có nghe những lời tuyên truyền của ngoại-quốc, phải tự-hợp chặt chẽ dưới quyền vị Quốc-trưởng, và nuôi cội lòng những ý-nghĩ vị Pháp. »

— Nhưng bọn tân-tiến phải học thêm nhiều. Người ta đã bảo tiếng nói là cái thuyền để chở van-hóa : vậy ai đã là người trí-thức phải học-tập thế nào cho tiếng nước nhà thành cái thuyền đó, nhưng cái thuyền đó phải đóng bằng gỗ nhũ cho thật chắc, không nên dùng những gỗ tạp-nhập, sợ khi ra đến bể khơi, không chịu được gió to sóng cả. Nghĩ là bao giờ miệng đọc mà tai nghe thấu, t ãn dưới thông dụng thì những điều mà các bạn ước-mong mới có thể thực-hành được. Đã hay rằng tư-tưởng muốn truyền-bá phải có kẻ học thức, nhưng muốn thực-hiện ra thì phải có công-c' ụng mới xong.

— Học không những để biết các lễ hành-động của quốc-gia, biết những điều chân-lý cốt-yếu cho đạo xử-thế, lại còn để biết mê sự đạo đức bằng người ta mê người đàn-bà đẹp, biết đời người có những mục-đích cao-thượng, nên ra công cố sức mà sống cho xứng-đáng.

— Thực thế : có học thì mới biết những cái lý-tưởng làm gốc cho quốc-hồn : lý-tưởng yêu nước, lý-tưởng ham học, lý tưởng an ở theo đạo đức. Một nhà thông thái nước Pháp đã nói rằng : « Hễ có một cái lý-tưởng cao như thế, thì bụng nghĩ việc làm như có cái ánh sáng vô hạn chiếu qua vào ».

— Mấy lại biết đâu ? may ra sáng - tạo được như nhà thông-thái ấy chăng !

— Tôi tưởng nhân tài trong một nước không những cốt ở sự học, lại còn cốt ở gia-tộc nữa.

— Thế thì trái hẳn với ý-kiến người Âu-Mỹ.

— Chẳng trái tí nào, vì người Âu-Mỹ bảo phải có học thức cao, nhưng lại phải có cả dòng-giống tốt nữa.

Các bạn thanh-niên bàn-bạc ôn-hòa cẩn-thận, rồi kết-cục lại quay về hai cái tư-tưởng cũ đã làm gốc cho dư-luận Á-Đông, một là « bảo-chủng », ha là « ãn-học ». Sau một bạn lấy quyển Sách học đề cương (quyển 6, tờ 102 a) ra đọc một đoạn làm kết-luận, ai nấy đều chú-ý, tỏ vẻ tôn-cở hơn trước. Đoạn sách ấy chưa ai dịch, nay chép ra đây để biểu-thị cái ý-kiến thanh-niên đối với việc học ngày nay :

« Đường lối học thế nào ?

« Có lối học vụ-thực, có lối học vụ-danh.

« Học hết sự thực mà vẫn sợ có lỗi thất-thực là lối học của cõ-nhân.

« Học ham hư-danh mà chưa thoát khỏi cái thói tuấn-danh là lối học của người đời sau.

« Thế nào gọi là lối học của cõ-nhân ?

« Ba thiên Duyệt-mạnh (của ông Phó-Duyệt làm ra để dạy vua Cao - Tôn nhà Thương) nói về sự-nghiệp quân thần ; sáu điển Thái-bình (của ông Chu-công làm ra để dạy vua Thành - vương) nói về qui - mô chính-trị, không một việc gì là không có sự thực

« Văn, hạnh, trung, tín : đức Khổng lấy bốn điều ấy dạy học-trò. Đức-hạnh, ngôn-ngữ, chính-trị, văn-học : học-trò đức Khổng học ở bốn khoa ấy. Dạy ở đấy, học ở đấy : không sự gì là không thực.

« Vậy thì học đã hết sự thực, mà vẫn sợ rằng có cái lỗi thất thực, ấy là lối học của cõ-nhân.

« Thử đem lối học của đời sau nói ra : học về lối kẻ - cõ (nghiên-cứu học đời xưa) thì lưu ý ở xe ngựa (làm quan có bổng-lộc), học về lối minh-kính (rõ nghĩa sách) lại say đắm về áo xanh áo tía (chủ ý thi đỗ), học về lối thanh-liêm, thậm-chi để xe nát ngựa gầy, học về lối giảng-đọc, thậm-chi để đầu bù mặt cúi.

« Vậy thì học ham hư-danh mà chưa thoát khỏi cái thói tuấn-danh, ấy là lối học của đời sau đó.

« Ôi ! học không phải là chỉ học xuống mà thôi đâu !

« Có thực-học ấy có thực-dụng : học mà không dùng, tức là người học xuống đó.

« Câu chi thành tãn tinh (rất thành hết tinh) ở Trung - dung chép, là công dùng thánh nhân giúp đỡ trời đất ; câu chính tâm thành ý (chính trong lòng, thực ý) ở Đại-học chép, là cái gốc đứng nhân - dân trị nước yên thiên-hạ.

« Khi còn ần, thì sửa một mình cho hay cho giỏi ; khi đạt, thì làm thiên-hạ đều hay đều giỏi.

« Rất quý về lối vụ-thực của cõ-nhân, là có thực-dụng, rất ghét về lối vụ-danh của người sau, là chỉ cầu hư-danh mà thôi.

« Có chi về việc học, ấy há không biết kén chọn vậy ru ? »

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

ÂM NHẠC LỐI HÁT Ả-ĐÀO

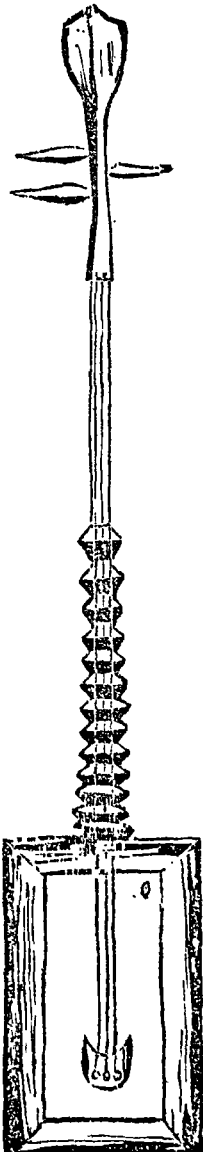
III

DÀN ĐÂY

Một cây đàn, bất cứ là đã sinh ra ở một xứ nào, thuộc về một loại nhạc-khí nào, bao giờ cũng có một lối cách riêng do ở hình thù và bản chất của nó.

Như cây đàn dây của ta đây vì thùng đàn bé, (hình chữ nhật một bề 30 phân một bề 18 phân dày 9 phân) mặt hậu không có, dây bằng tơ nên thanh âm nghe không vang và không trong có vẻ dịu dịu, dùng đục.

Nghe tiếng đàn dây ta có cảm giác đứng trong một cung điện âm u, hay trước một phong cảnh bị phủ dưới làn sương mù.



Lúc hòa nhạc thanh-âm đàn dây lại yếu, nên thường thường thấy lẫn vào với phách với giọng hát như, đã hiểu nghĩa đoàn thể, không cần ai biết tới, dù mình đã làm được việc. Chỉ thỉnh thoảng, khi trường hợp bắt buộc, mới chịu xuất đầu lộ diện mà vẫn nhũn nhặn khiêm tốn.

Nhờ những dịp đó ta mới thấy được rằng cây đàn dây tuy chỉ có ba dây lên cách nhau bốn bậc (accordé en quarte) chỉ có mười hai phím mà có thể nảy ra được bao nhiêu tiếng (3 octaves, ba cung tám bậc) có thể biến được sang bao nhiêu âm-thề.

Đây là những đức tính mà ta không thể tin rằng cây đàn dây có thể có được nếu ta không biết cách «nhấn» của nhạc-công Việt nam trong lối âm-nhạc này nghĩa là cái công dụng của cái cán đàn giải tới một thước hai (1m20) và cổ phím cao chừng hai ba phân.

Khi đàn người kép có phải chỉ «bấm» vào phím đàn không thôi đâu,

ngón tay nhạc-công có khi lại nhàn sàu xuống (vì phím cao) cho căng dây ra, cao tiếng lên; ví dụ: theo âm nhạc tây, thì ở phím «do» có thể nhấn ra tiếng «do» dièse, «ré» hay rédièse; theo âm-nhạc tàu thì ở phím «công» có thể nhấn ra tiếng «liu» «ú» (cây đàn nguyệt cũng dùng cách nhấn này). Ngón tay nhạc công lại còn có thể nhấn cho trùng giảy thấp tiếng xuống; ví dụ như ở phím «do» mà nhấn ra tiếng «si» hay si bémol; ở phím «công» mà nhấn ra tiếng «sê»; một lối nhẫu riêng của cây đàn dây, vì giảy, mắc giải (cán giải) có đủ sức chun lại được.

Nhấn rồi mới gảy, đang nhấn thì gảy hay là gảy rồi mới nhấn đây là tất cả cái hoa tay cái bí thuật của nhạc công dùng để khiến cho một tiếng như *riêng một mình nó* cũng có đủ sức quyến rũ, một tiếng tầm thường trở nên một tiếng huyền ảo: một thứ tiếng mà hình như có ít nhiều tiếng rất mỏng bao phủ chung quanh.

Một tiếng chỉ bấm không thôi mà nảy ra nó tro trên bao nhiêu thì một tiếng nhấn ra nó có duyên bấy nhiêu.

Nhấn ra, tiếng đàn đã trở nên mềm, dẻo như tiếng hát (nhất là tiếng hát Việt-Nam; đã đi được đến chỗ hết sức tỉ-mỉ của âm-thanh và đã tả được những nỗi rất lắt léo của tâm-hồn.

Lời bàn của Nicolas Obnow muốn cho thêm đây thêm phím vào cây đàn piano, có phải là đề đi tới chỗ mà cây đàn dây của ta đã đến từ bao giờ rồi không? (sau này tôi sẽ bàn tới).

..

Điệu đàn dây trong khúc nhạc giáo đầu.

Những tiếng nhấn ra thuộc về phần sáng tác của nhạc-công, và mỗi nhạc-công lại có một khéo nhấn riêng nên ở khúc nhạc giáo đầu tôi đã chỉ biên ra những tiếng chính để các bạn đủ nhận thấy sự liên lạc về mạch điệu của đàn với phách; bởi vì âm-thanh, đàn và phách không có một thiết gì với nhau cả (một đẳng thì có cao có thấp một đẳng chỉ một mực: rục, phách, chát thôi).

Tuy rằng khác mạch nhưng, điệu đàn, lẽ tất nhiên, không thể không đồng một ý nghĩa như điệu phách được.

(Xem tiếp trang 24)

Lễ Lập xuân ở Hà-nội

Lễ lập-xuân chắc là một trong những tế-tự nước Nam mượn trước nhất của Tàu. Vì lễ này thuộc về loại lễ có định-kỳ và — theo như sách Lễ-ký —, có thể gieo nhiều tai họa thảm khốc cho nhân gian nếu vị quốc chủ cử hành không hợp lệ. Nhưng ta không biết lễ ấy vào xứ này từ hồi nào và tiên-tổ ta theo những nghi-thức nào để cử hành lễ này là một lễ có dính dáng đến khoa chiêm tinh và nghề nông-phổ.

Ngoài tập Việt-diện U-linh (đầu thế-kỷ XIII) nhân khi nói đến một vị thần ở thành Thăng-Long (thần Quảng Lợi Vương) có bàn một vài câu; ngoài bộ An-Nam chí-lược (đầu thế kỷ XIV) của Lê-Tắc có ghi qua (xem bản dịch của Sainson xuất bản năm 1896, trang 93-94), ta phải công nhận với Phan-Huy-Chú rằng giờ lên trước nhà Hậu-Lê (1428-1788), ta không có tài liệu đích xác về lễ này tuy là một trong những quốc lễ và có tính cách bắt buộc ở nước Nam.

Tài liệu chính để làm bài khảo-cứu này là tập thủ thảo bằng chữ la-tinh số 11.114 của Quốc-Gia Thư Viện Paris) nhan đề là: *Opusculum de Sectis apud Sineses et Tunkinenses* (Petit traité des sectes religieuses chez les Chinois et les Tonkinois) (1750) của cố Adriano di Santa Tecla (Adrien de Sainte Thècle), người thuộc về dòng Augrestins (chỉ đi dép không, không dùng tất). Truyền-Giáo Thánh-Hội (Propagande de la foi), sai sang Bắc-kỳ năm 1738, mất năm 1765 tháng một.

Tôi có tra cứu thêm chương Lễ Nghi chí, quyền XXII bộ Lịch triều hiến chương của Phan-Huy-Chú (1821), với thiên Quảng-Lợi-Vương ở tập Việt-diện U-linh đã nói trên.

Tập Petit Traité des sectes religieuses chez les Chinois et les Tonkinois đã được phác tả ra trong tạp chí Journal Asiatique, năm 1823-1824 (có đề-xá đại lược bản qua và trích dăng nhiều đoạn) và trong bộ Bibliotheca Indosinica của H. Cordier, quyển III, cột 1887.

Bản sách của Quốc-Gia Thư Viện (Ban lưu trữ những thủ thảo) — Thư Viện Pierre Pas-

quier có một bản sách này bằng ảnh-chụp, — có chứng cứ rõ ràng là đã được giám mục Louis Néez (1680-1764), coi địa phận Bắc-kỳ, tây từ năm 1738, tự tay đối chiếu cẩn thận với bản chính vì cố Adrien de Sainte Thècle đã ở cạnh ngài ba năm (1762-1764).

Cố Adrien de Sainte Thècle, tên ta là Cụ Tri, về dòng O.R.S.A., đến xứ Bắc năm 1738. Được bổ làm quản sự (procureur) địa phận Bắc-kỳ Đông năm 1761; người cùng các bạn đồng tông, vì lời xui giục của các cố Dominicains, bị trục xuất ra khỏi xứ Bắc; đến trú ẩn nhờ giám mục Néez năm 1762 và mất tại địa phận này vào quãng tháng một năm 1765.



Muốn hiểu rõ ý nghĩa những lễ thuộc về « nông nghiệp tuần hoàn » (cycle agraire) của người Nam, ta cũng nên ôn lại những điều chính về thiên văn học và vũ trụ quan của Trung-Quốc.

Người Trung-Quốc chia bầu trời ra làm năm cung: *Cung giữa* (trung cung) là vòm trời bao bọc « bắc cực » lúc nào ta cũng nom thấy và *bốn cung* đặt theo xích đạo tuyến (quatre palais équatoriaux) lần lượt lặn xuống dưới chân trời và so đúng với bốn mùa. Bởi vì xích đạo tuyến (équateur céleste) đem ghép đúng với tứ phương, nên « bắc cực » không phải ở miền bắc như của người Tây-Phương đâu nhưng ở vùng giữa (trung cung) và bốn cung kia bao bọc lấy trung cung đều đúng với tứ phương xếp theo chân trời.

Cho nên *cung mùa đông* gọi là *Bắc cung* vì về mùa đông, mặt trời thuộc về một vùng mà ti ngọ tuyến (méridien céleste) gặp chân trời ở phương Bắc; *cung mùa hè* gọi là *Nam Cung* vì lúc bấy giờ mặt trời thuộc về một vùng ở về đầu kia mà ti ngọ tuyến gặp chân trời ở phương Nam của chúng ta. Về hai cung kia cũng vậy: ta thấy tuần trăng tròn về mùa xuân và mùa thu, một cung ở về phương đông, một cung về phương tây nếu ta cứ theo lối tìm phương hướng kẻ ở trên.

Muốn giảng cách chuyển vận của năm cung và bốn tiết, người Tàu dẫn ra hai lẽ âm, dương thuộc về vật lý và ngũ hành thuộc về thờ hóa

(1) Theo bài nguyên văn bằng chữ Pháp sẽ đăng trong tạp-chí của Institut indochinois pour l'étude de l'Homme.

chất là : mộc (xuân) kim (hạ), hỏa (thu), thủy (đông) và thổ (trung cung). Năm hành ấy lần lượt thắng nhau : kim chặt gỗ thắng mộc ; hỏa làm chảy sắt thắng kim ; thủy làm tắt lửa thắng hỏa ; thổ hút nước thắng thủy ; mộc tiêu hóa được đất thắng thổ và cứ lần lượt như thế làm cho bốn mùa đều đều chuyển vận.

Và chẳng bao lâu người ta đem ghép vào chủ nghĩa có tính cách hoàn toàn lý-hóa ấy sự tin tưởng rằng có một đấng *Thượng-đế* ngự vị tại Trung-Cung và sai khiến được hai lễ âm dương và ngũ hành.

Cái óc cân đối của người Tàu đã làm cho họ sớm tìm thấy một hình thể tương đương với *Thượng-đế* là Trung-Hoa Hoàng-Đế thống trị Trung-Quốc. Trung-Quốc, cũng như trung-cung, ở giữa, chung quanh là man di ở rải rác bốn phương ; để đô, cũng như sao bắc-cực, ở vào giữa bốn vùng Bắc, đông, nam, tây đối với tứ thời ; so với *Thượng-đế* thì Trung-Hoa hoàng-đế là con (thiên-tử) ; nhờ có tiên-tổ là ngũ-đế sánh được với ngũ-hành và được năm vị thần phò tá, Trung-Hoa hoàng-đế có thể và

Đề thơ cho đúng nghi lễ đã ghi trong *Lễ ký*, muốn cho tiết điệu của thế-gian khỏi bị đình trệ và những hiện tượng của vũ-trụ được luân lưu và tránh được sự hỗn tạp, vua Lê, mỗi năm lúc đầu mùa lại dâng lễ cho bốn vị hoàng đế thuộc về thời thần thoại của Trung-Hoa và bốn vị thần bộ hạ. Tế ở đâu ? Tại « giao đàn » (loco giao) theo như lời Adrien de Sainte Thécle : có lẽ là đàn Nam-Giao ở miền nam ngoại ô Thăng-Long. (Đàn Nam-Giao, rìa (đường Chợ-Hòm Bạch-Mai, lối ngày xưa vào Huế) Route de Huế, gần làng Phong-Vân, bây giờ chỉ còn một tấm bia làm từ đời Vĩnh Trị tứ niên, 1680 và giữ ở Bảo tàng Louis Finot).

Đàn Nam-Giao hình chữ nhật, cửa chính mở về phía nam, cũng chia ra làm năm phần hợp với vũ trụ quan của Trung-Quốc.

Ở giữa một phần là chiếu sư diện đề riêng tế trời và do vua ra hành lễ ; và bốn phần bên đúng với tứ phương : đến kỳ có các quan đại-thần thay vua ra tế các mùa.

Cuối mùa đông, tế vua Phục-Hy và thần Câu-mang tại đàn đông để lập Xuân vì mùa Xuân đúng với phương đông ;

Cuối mùa xuân, tế vua Thần - Nông và thần Chúc-dung tại

đàn Nam để lập hạ vì mùa hạ đúng với phương Nam ;

Cuối mùa hạ, tế vua Thiệu-hiệu và thần Nhục-Thu tại đàn tây để lập thu ;

Cuối mùa thu, tế vua Chuyên-Húc và thần Huyền-Minh ở đàn bắc để lập đông.

Nhưng ngoài lễ chính này, một nghi tiết đặc biệt đã được đem ra cử hành một cách long trọng hơn trong dịp lễ Lập-xuân để mở đầu năm mới cho nông-gia và dân chúng.

Đề tả tế này, cố Adrien de Sainte - Thécle dựa vào hai bức thư của cố Francisco Gil de Federich, người tây ban-nha, thuộc giòng Dominicains (tên ta là cụ Tế) ; đến Bắc kỷ năm 1737, cố Gil de Federich, bị giam tù 1737 tại Ngục-Đông ở Thăng-Long cho đến ngày 22 tháng giêng 1745 là ngày cố bị hành hình. Co biết chừng nào và tình nam, trong lúc bị giam cam nhờ có tiền cho ngục tốt, nên có được

về thời Hậu-Lê

phải lập trên địa cầu một trật tự tương đương với trật-tự của *Thượng-đế*. Vì giữa trời và đất, giữa vũ trụ và nhân sinh có một giây liên lạc mật thiết, nên chỉ cần rằng Thiên-tử, là vị giúp việc *Thượng-đế* trên nhân-gian, đúng vào những thời kỳ đã định trong lịch, truyền lệnh cho các phương hướng ở không gian chuyển vận theo thứ tự, là tự nhiên tứ thời đều đều kế tiếp.

Đó là tóm tắt quan niệm Tàu về thiên văn sinh lý học, trái hẳn với luật tam thể (loi des trois âges) của Auguste Comte. Khởi thủy từ sự nhận xét và những thuyết tuyệt nhiên không pha mây may thuần lý học và thần nhân đồng hình thuyết, để sau cùng thành một giáo lý chủ trương thuyết định mệnh, quan niệm này về vũ trụ và nhân sinh đã làm khựng cảnh cho văn minh Đông-Á hơn bốn mươi thế kỷ và đã tìm được hình thức hoàn toàn trong những thiên nguyệt-lệnh sách *Lễ-ký*.

thành thời, tự do ra phố và thư tín với cố Adrien de Sainte Thècle. Vì một phần lễ đã cử hành tại nơi cố phải miễn cưỡng ở, nên cố được dịp quan sát cẩn thận.

« Mỗi một năm, theo Phan-Huy-Chú, vào đạo tháng một, đúng vào ngày đông-chi (mà người Tàu lấy làm chừng để đặt âm lịch), quan Chánh tòa khâm thiên giám kính tâu đề chúa Trịnh biết hôm nào lập-xuân và luôn thể dâng trình ngài kiêu mẫu nhỏ một đoàn người vật nặn phác ra, trong có tượng một mục-đồng giắt trâu tức là thần Cầu-Mang. Mẫu nặn mỗi nam nhuộm một màu để cho đúng với năm và hợp với ngày lập-xuân. Theo mẫu ấy, bộ Công sai thường ban đắp một con trâu to và tượng Mang-thần. (ở Huế bây giờ cũng làm tựa tựa như vậy). Nhưng theo cổ Gil de Federich ngoài trâu to và tượng Mang-thần, người ta đắp luôn 1300 con nghé cao chừng 5, 6 ngón tay và 1300 mục-đồng. Tất cả những tượng nhón nhỏ ấy đem chứa tại Nha môn ngư. Người ta còn dựng một cái quán « tứ bề gió lọt được » ở ngõ hàng-chiếu (gần cửa phố Jean Dupuis bây giờ), tại phường Đông-Hà nghĩa là ở phía đông kinh-thành, đúng với hướng cổ của mùa xuân.

Trước hôm lễ, lúc chập tối, nhân viên thường ban rước tượng trâu và Mang-Thần đến đàn thờ ở quán lợp ngõ hàng chiếu và bày ở đấy đến nửa đêm (Dần gian đi xem có câu hát :

Bây giờ Mang hiện đến ngày

Cày bừa cho chín mạ này đem gieo).

Còn 1300 nghé và 1300 mục-đồng thì đã có linh canh Ngục-đông (chừng 50 người, cứ 15 ngày lại đổi phiên cho nhau) đem từ Nha-Môn-Ngư về đặt trong sân Ngục-Đông. Ngục-Đông-Môn ở tại cửa đông kinh-thành.

Đến nửa đêm thì quan Phủ-doãn là quan đầu tỉnh Thăng-Long, có hai quan huyện Thọ Xương và Quảng-Đức đi hầu và có dân các phường buôn bán đi theo, đến rước tượng trâu to và Mang-thần lại đền Bạch-Mã, ở Đông-Hà Phường, thờ thần Long-đổ-vương vừa là thành hoàng thành Thăng-Long lại là vị thần vẫn chứng giám lễ này từ đời Lý-Thái-tôn (1028-1054). Đến đền thì trâu đề ngoài, người ta rước tượng Mang-Thần vào giữa tiền-đường rồi quan Phủ-Doãn dâng lễ. Lễ xong, nha môn quần Mang-thần vào một chiếc chiếu rồi đem chôn.

Sáng sớm hôm sau, rước xuân-ngư đến trình vua: ấy là lễ tiến-xuân-ngư. Theo Phan-

huy - Chú : « Quan Phủ - Doãn và hai quan huyện, mỗi người cầm một cành dâu, giả làm roi mây, dẫn trâu vào điện đình. Theo lệnh chúa Trịnh, các công, hầu, bá, văn võ triều thần, bần phẩm phục vào triều để giúp vua hành lễ. » Xong rồi thì Ngục-tốt rước trâu thần về ngục đông, còn cái ngai đã dùng để rước trâu đến trình vua thì được quan tham tri bộ Lễ đem rình vào trong cung ». Đoạn, người ta đem phân phát trâu và nghé cho các quan chức để tống tiễn mùa đông : ngục-tốt ở Ngục-Đông chặt một miếng thủ, một khúc chân và một khẩu đuôi con trâu to, chọn 300 con nghé, lấy 55 con đặt vào 11 chiếc mâm, mỗi mâm 5 con, trên có phủ lụa, đem dâng vua. Vua đem ban cho các đền thờ (trong kinh thành) còn bao nhiêu thì thưởng cho các quan đã đứng tế, 1000 nghé còn lại, cũng vẫn những ngục tốt ấy, rước bằng ngai đến Phủ-đường chúa Trịnh. Chúa truyền lệnh gọi nha môn sáu hiệu và hiệu nào, phần ấy lấy trâu về cho tướng mình, Lễ lập-xuân thế là xong.

Ta nên nhận rằng lễ lập-xuân này thật ra có hai phần khác nhau : một là lễ tống tiễn mùa đông, hai là lễ lập-xuân, Khởi thủy, tế trâu đất rồi lấy roi mây quất đuổi đi có ý nghĩa là người ta tiễn đuổi mùa đông. Theo sách Lễ-ký, thiên nguyệt lệnh, đến tháng cuối mùa đông vua ra lệnh cho người ta dẫn ra đồng một con bò bằng đất sét, cốt để áp giải và tống tiễn tiết lạnh đi ; tháng chạp thuộc về chi sủu hợp với con bò (ở ta là trâu), hành thờ (đồng) lại khắc hành Thủy (đất hút nước) đúng với thuyết ngũ hành tương khắc. Về sau, trâu được đem sát-nhập vào lễ lập-xuân và dùng roi quất trâu dần dần có nghĩa là khuyến-khích nông nghiệp.

NGÔ ĐÌNH-NHU

TUẦN BÁO ĐÀN BÀ

Là bạn thiết của tất cả các bạn gái.

Là món quà quý để các bậc cha mẹ cho con, các ông chồng tặng bà vợ, các anh trai tặng các em gái.

Tờ báo phụ nữ độc nhất ở Đông Dương hiện thời, toàn do các bạn gái chủ trương.

Giá báo 1 năm: 6p.00, 6 th. 3p.00, 3 th. 1p 60.

Mandat mua báo gửi cho :

Mme THUY AN

Journal Đàn Bà

76, Wiéle — Hanoi

Lược khảo tiểu thuyết Tà u

(Tiếp theo)

4. Khai-nguyên uy-hiền đại-vương, sự-tích một vị thượng-thần đời Đường, có đền ở Bà-gia (?).

5. — Sung-thiên uy tín đại vương, sự-tích đức Phù-dồng thiên-vương, ta gọi là đức thánh Gióng, có đền thờ làng Gióng (Bắc-ninh).

6. — Hựu-thánh hiền ứng vương, sự-tích đức Tản-viên, có nhiều đền thờ ở vùng Sơn-tây, Phúc-yên đền Và, đền Bắc-cung v...

7. — Khai thiên trấn quốc đại-vương, sự-tích một vị thổ-thần đất Đàng-châu, có đền thờ ở huyện Kim-động Hưng-yên bây giờ.

8. — Trung dục uy-hiền vương, sự-tích hai vị thổ-thần đời Đường nay có đền thờ ở Bạch-hạc (Phú-tho)

9 — Thiện-hộ quốc công, sự-tích một vị thổ-thần đời Đường tên là Thủ có đền ở làng Hải-thanh (?)

10. — Lợi tế thông linh vương, sự-tích hai anh em Đặng Hồng-Minh và Đặng Thiện-Xa vào năm Trưng-hưng đời Trần có đền thờ ở làng Tả-bái (?)

Tục bở

1. — Sóc thiên vương, sự-tích một vị thiên thần ở Vệ-linh-sơn, có lẽ cũng là đức thánh Gióng, nay ở đền Sóc-sơn, tỉnh Phúc-yên.

2. — Thanh-sơn đại-vương, sự-tích sơn thần núi Tam-đảo, có đền thờ ở Miên-kiều (?) gần Tam-đảo.

3. — Kiên hải môn tôn thần, sự-tích một vị công-chúa đời Triệu Tống, không chịu thần-phục nhà Nguyên, trầm mình xuống bể rồi rớt sang ta, có đền ở vùng Thanh-hóa.

4. — Quản gia đô bác đại vương, sự-tích một vị quan Lang tên là Trịnh Ra ở vào đời Đường có đền ở làng Hương-tiên, huyện Quỳnh-lưu, phủ Diễn-châu (Nghệ-an).

Phụ lục

Kiên-môn tứ vị thánh vương, sự-tích bốn vị hậu-phụ trước đời Trần.

..

Bộ *Lĩnh-nam trích quái* có 3 quyển, không biết rõ của ai làm, tục truyền là sách của Trần Thế-Pháp, có lẽ về đời Trần, nhưng không may bài tựa của Trần thất-lạc không có gì la đích. Nay ta chỉ thấy có bài tựa của Vũ-Quỳnh viết khi tham bổ lại sách ấy. Hai quyển trên là của người làm từ trước, quyển thứ ba mới tục bổ sau, là của một ông họ Đoàn sinh vào đời Mạc, thì quyển này toàn trích ở *U-linh tập* ra cả. Nhưng theo một bản sao của viện Bác-cô thì khác hẳn thế.

Sách *Lĩnh-nam trích quái* (A. 1920) ở trang trên có đề của tiến-sĩ Vũ Quỳnh, Kiêu-Phú soạn, năm Hồng-đức 21 (1490) mùa thu. Rồi đến bài tựa, trên đầu đề là : *Yên-sơn huyện, Hạ-lạp xã, tiến-sĩ Kiêu-Phú tác*, nhưng chắc giòng này thừa, vì dưới bài tựa lại có đề niên hiệu năm Hồng-đức 23 rồi đến tên Vũ Quỳnh theo bài tựa này, Vũ Quỳnh cũng không rõ sách của ai làm mà cũng đoán phỏng là của người đời Lý, Trần. Kể đến đời hậu tựa đề là năm Hồng-đức 24 (1493) của Kiêu-Phú làm. Đến mục-lục đề tên sách khác hẳn : *Tham bổ Lĩnh-nam truyền văn thần dị trích quái truyện tập*. Cuối mục-lục có chưa rõ : bản cũ có 23 truyện, bản khác 12 truyện, tham bổ 5 truyện, cộng 40 truyện. Sách của Trần Thế-Thúc (có lẽ chữ Pháp biên lãm) người Thạch-thất biên-tập ; Vũ-Quỳnh hiệu chỉnh ; Kiêu-Phú sán định.

Bốn mươi truyện ấy, chép theo thứ-tự thời-dại : đời Hồng-bàng có 8 truyện ; Thục An-dương-vương, 4 ; Sĩ-vương, Triệu Việt-Vương Lý Nam-đế, mỗi đời một truyện ; Bắc thuộc Đường có 3 truyện, thời Đinh, Lê cũng ba ; đời Lý có 9 mà đời Trần thì có 10, đại như sau này :

I. Hồng-bàng

1. — Họ Hồng-bàng ;
2. — Hồ-tinh ở Long-biên ;
3. — Ngự-tinh ở Đông-hải ;
4. — Chữ đồng-tử ;
5. — Tản-viên sơn-thần ;
6. — Bánh chưng bánh dày của Long-Liêu..
7. — Trần, cau của họ Cao ;
8. — Dưa đỏ của họ Mai ;
9. — Lý Ông-Trọng ;
10. — Rua vàng ở Thạch-giang ;

11. — Tướng-quân họ Cao ;
12. — Quan Ngự-sử họ Thôi.

II. Đòi Sĩ-vương

13. — Đức Man-nương ở chùa Phúc-nghiêm ;

III. Đòi Triệu Việt-vương

14. — Tướng-quân họ Trương (Trương Hồng, Tr. Hát)

IV. Đòi Lý Nam-đế

15. — Tướng-quân họ Lý (Lý Phục-Man).

V. Đòi thuộc Đường

16. — Thần sông Bạch-hạc
17. — Thần sông Tô-lich
18. — Thần long độ chinh-khi.

VI. Đòi Đinh, Lê

19. — Phép trừ tình con mợ
20. — Đức Sóc thiên-vương
21. — Hoàng-thánh đại-vương

VII. Đòi nhà Lý

22. — Đồng sung thiên vương (đức thánh Gióng)
23. — Khai-thiên phúc-thần ;
24. — Sơn-thần núi Đồng-cổ ;
25. — Mỵ-ê phu-nhân ;
26. — Ứng-thiên hậu thổ-thần ;
27. — Đức Thuyền-sư Từ Đạo-Hạnh ;
28. — — id — Nguyễn Minh-Không ;
29. — — id — Dương Không-Lộ ;
30. — — id — Nguyễn Giáo-Hải.

VIII. Đòi Trần

31. — Thần cửa Kiền-hải
32. — Hà-ô lời ;
33. — Thần núi Hồng-lĩnh ;
34. — Thần đá Vọng-phu ;

35. — Trâu vàng ở núi Tiên-du ;
36. — Thần Bối-bái ;
37. — Nước Nam-chiếu ;
38. — Nước Chiêm-thành ;
39. — Thần Bạch-hạc phục-ba ;
40. — Thần Đông-kinh đốc-bộ.

7. — Ảnh hưởng tiểu - thuyết Tàu trong hai bộ tiểu - thuyết Việt-Nam cổ nhất.

Đó là hình-thức nội-dung cùng là tác giả hai bộ tiểu-thuyết cổ nhất của ta, thuộc về loài truyện thần-bí, là truyện *Việt-diện u-linh* và truyện *Lĩnh-nam trích quái*. Nay ta đem hai quyền ấy ra mà xét lại xem quyền nào làm trước, quyền nào làm sau, và cả hai quyền có chịu ảnh-hưởng gì ở tiểu-thuyết Tàu không. Theo như cụ Lê-quý-Đôn nói trong *Kiến-văn-tiểu-lục* (k. 4, tr. 4) thì quyền *Lĩnh-nam trích-quin* làm sau quyền *Việt-diện u-linh*, mà chúng ta cũng nhận thấy nhiều truyện trùng điệp với các truyện ở *U-linh*. Không những thế mà thôi sách *Lĩnh-nam trích-quin* lại còn thấu-thái cả các truyện ở trong *Nam-hải cổ-tích ký* của Ngô-Lai đời Nguyên, còn thấy trong bộ *Thuyết phu* (hom XII, k. 67) ta chỉ kể một chuyện *Việt-tĩnh* là đủ rõ. Còn truyện *U-linh* thì, cũng theo như cụ Lê-quý-Đôn, trong sách vừa kể trên, lấy nhiều tài-liệu trong các sách của người đời Đường như sách *Giao-châu ký* của Tăng-Côn, sách *Sử-ký* của Đỗ-Thiện và sách *Báo-cực truyện* mà những tên các sách ta cũng còn thấy kể ra trong sách *U-linh*, tiếc vì những sách ấy bây giờ đều bị thất-lạc cả. Vậy ta có thể kết-luận rằng sách *U-linh* làm đời Trần, tác-giả dùng nhiều tài-liệu các sách Tàu làm vào đời Đường.

(Còn nữa)

TRẦN-V-GIÁP

HỌC CHỮ NHẬT

Muốn biết chữ Nhật mau chóng thì nên mua cuốn « Nhật-Ngữ-Tự-Học » của Nguyễn Ngọc-Loan soạn. Chữ Nhật giảng Quốc-ngữ và chữ Pháp, dạy rõ mẹo luật, tự mình học ấy, dễ hiểu chóng biết, đã được quan Tổng-lãnh-sự Nhật đề tựa và ban khen rằng: « Từ trước đến nay chưa từng có cuốn sách nào có qui thức như vậy, nó sẽ là cuốn sách học chính của cả mọi người » v. v. Giá bán : 2\$00, thêm cước gửi 0\$70. Ngân phiếu xin đề cho ông :

NGUYỄN DI-LUÂN

DIRECTEUR

Nam-thiên thư cục

Nº 37 Rue des Pipes — HANOI

(Tiếp theo)

Cắt sẵn sóc Qui, một cách kin đáo và yên lặng. Huy mong cho Qui sau này thành người vợ hiền biết thương yêu chồng và an hưởng hạnh phúc gia đình, nên mỗi lần nói chuyện với nàng, Qui có dùng ngôn ngữ của bạn gái mới viên vông và văn vẻ, chàng thường trả lời một lối rất đột ngột, sống sượng. Qui thường bực mình, trách chàng không lịch sự với nàng, như với những bạn gái khác, Qui hiểu đâu thâm ý của Huy. Những bạn gái khác, chàng có kể gì. Đã không có ý gì, thì lịch sự, nhã nhặn cho xong. Về những món ấy, Huy cũng không đến nỗi kém hèn.

Huy vẫn đinh ninh rằng sau này sẽ lập được một gia đình êm đẹp với Qui. Chàng không cần vội, đợi cho Qui hơn vài tuổi nữa, chín chắn hơn chút nữa, chàng chắc không ai tranh mất cái phần đã tự dành cho mình, chàng đã đặt vào đấy bao nhiêu hy vọng. Đột nhiên tan vỡ hết.

Huy cố tìm, mà không hiểu nguyên nhân cuộc cười xin ấy, chàng ngờ là một sự ức bách, nhưng Qui, theo chàng biết, không phải là người dễ dễ ức bách. Thì bây giờ chàng biết rõ, chàng cũng có một phần trách nhiệm trong công cuộc ấy. Người con gái, trong một lúc chán nản, đã đâm liều, làm một việc rất đại đột, không tài nào lấy lại, mà chán nản lại vì chàng !

Huy không ngờ những câu của chàng lại có kết quả tai hại đến thế. Dem giọng hôm ấy, nói với một người con gái đang bị vấn đề tình duyên sâu xé, thật là tàn ác. Nếu chàng biết, không khi nào lại thế. Mà sao Qui không bảo ngay chàng là đang nghĩ chuyện ấy ? Hơn nữa, hỏi ý kiến chàng ? Đâu có thế ! chàng tự tin mình quá, thường coi Qui như con tiều, chàng cũng biết là Qui không tin chàng, chàng không lấy làm phiền, cho rằng muốn được lòng tin của Qui cũng dễ như lấy chiếc khăn trong túi. Chàng không vội, lúc nào cần đến lòng tin đó sẽ hay, chuyện của Qui, chàng quen coi như chuyện trẻ con. Biết đâu rằng trẻ con cũng có khi nói chuyện người lớn !

Dá chàng không quá tự tin, không coi Qui là con trẻ, tỏ vẻ yêu mến nàng, bỏ vẻ khùng khỉnh thì đã đỡ được bao nhiêu chuyện ! chàng đã phá tan hy vọng của chàng, vô tình làm hại đời Qui. Bây giờ Qui đứng đắn, chín chắn lắm, đúng như ý chàng mong, nhưng, bây giờ, nói gì ?

Đ Ú ' A C O N

Tiểu - thuyết của
Đ O D U C - T ' U

Huy ngồi lâu không nói, Qui tiếp :

— Có lẽ tại số tôi nó sui ra thế. Tôi có hay bực mình bao giờ, mà bực mình gì lại bực mình thế ?

Qui cười gượng, nảo lòng hơn tiếng khác. Huy cũng cười :

— Co lẽ có số thật. Tôi không hay tin tưởng số, nhưng nhiều việc xảy ra bất phải tin.

— Việc gì mà lại bắt được anh tin số ?

Huy tránh trả lời :

Nhưng sau rồi sao ?

Mậu được người vợ trẻ đẹp như Qui, chắc chiều chuộng, yêu quý lắm. Dù sao thì cách sống ở trên ấy cũng được dễ chịu.

Qui thở dài, chán nản :

— Nhắc đến làm gì. Có phải chỉ no cơm lành áo là sung sướng đâu. Anh trông tôi có vẻ mặt một người sung sướng không. Mậu kề cũng hiền lành, tử tế, nhưng.....

Dần dần, bằng những mâu lật vật. Qui kề cả cảnh mình. Thỉnh thoảng, nàng ngừng lại, ngạc nhiên thấy sao lại đem chuyện nhà kể cho Huy, một người, mới sáng hôm nay, nàng còn rất ghét. Huy chăm chú nghe, không sót một câu, nhắc lại một chỗ nàng bỏ cách quãng. Giọng chàng ảm áp, để làm phấn khởi, Qui lại nói tiếp.

Qui thường mong có người bạn tâm phúc, để thổ lộ được những điều tự thâm tâm. Những lúc chán nản, đau đớn, có một người dễ vơi bớt nỗi sầu, thì tâm hồn cũng bớt bị đè nén. Xưa nay, Qui chưa gặp ai, chưa tin. Chồng, chị, mẹ là những người nàng đã cho như kẻ thù. Người con gái ấy chỉ sống một mình, ngấm ngấm ôm mối hận. Bây giờ, bỗng nhiên nàng gặp người ấy. Mà lại là Huy ! Tự nhiên, Qui thấy tin được anh chàng. Nàng cảm thấy rằng từ xưa, nàng vẫn không hiểu Huy, và lúc này Huy mới mang bộ mặt thật. Nếu Huy như thế từ trước !

Những câu chuyện ấy dễ làm cho quên cả thời giờ. Máy đám mây hiện ra tự bao giờ, che lấp mặt giếng đã chênh sang mé tây, vườn hoa lờ mờ sáng. Đã khuya lắm. Không ai nói đến chuyện đi về. Nói xong, Qui như vui được chút ít, Huy thì đáng buồn thêm. Chàng uể oải châm một điếu thuốc lá :

— Tin được số mệnh, có khi cũng là một cái hay, nhiều khi người ta bớt ân hận.

Qui chưa hiểu ra sao, Huy tiếp :

— Chàng hạn, nếu cô không tin duyên số, cho là vì tôi mà cô lay chồng Tôi cung tin như vậy, thì bao giờ hết ân hận. Nếu tôi có quyền thế

gi đình đoạt nổi, thì chuyện không bao giờ như thế, nó sẽ ra một đường khác hẳn.

Đường khác, là đường nào? Quì muốn biết, nhưng Huy đã thôi nói. Chàng đứng dậy, đi lại vài bước trước mặt Quì. Bước đi êm, nhẹ, không động đến một viên sỏi. Bỗng chàng dừng sững trước mặt, để một tay lên vai Quì. Quì thấy như Huy muốn nói một câu gì, nhưng còn do dự. Nàng ngong ngóng đợi. Trên vai, chỗ Huy để tay, nóng dần. Huy buông tay, ngồi sát xuống cạnh Quì:

— Lần này là lần cuối cùng gặp cô ở đây. Đã nói những chuyện ấy, thì nói thêm một vài câu nữa. Ngày mai sẽ quên cả đi.

Huy vút mẫu thuốc dở, lấy điếu khác, sẽ dở xuống mặt bao riêm, cười t ếp:

— Nếu không phải tại số mệnh, thì không khi nào cô lấy Mậu. Cô Quì, cô có thể tưởng tượng rằng, có một thời kỳ..., có một thời kỳ tôi yêu cô không?

Về bốn cột không dấu nổi cảm động, Huy như đã thu hết can đảm nói nổi câu ấy. Quì, đã đoán trước là có chuyện khác thường, nhưng không ngờ khác thường đến thế. Nàng ngáy người đợi nghe.

— Chắc cô không đề ý. Chẳng những không biết, cô lại còn cho tôi là đáng ghét nữa. Tôi biết lắm. Đối với cô, tôi thường sống sượng thô lỗ, không lịch sự, nhã nhặn như với mấy cô bạn gái khác. Vì tôi muốn cho cô đừng giống họ. Cô còn ít tuổi quá, hay đua đòi, bắt chước, nên tôi thường nhạo báng, nói những câu trái ngược với ý tưởng cô. Cô không bằng lòng, ghét tôi lắm. Tôi chưa muốn đề cô hiểu cái tình của tôi vội, chưa phải lúc. Mong sau này, lúc cô chín chắn hơn, sẽ hiểu nhau. — Huy khẽ thở dài — như bây giờ, có lẽ cô đã đến cái trình độ ấy, sau bao nhiêu nỗi đau đớn. Và những điều dự tính của tôi bị sáo bỏ, vì số mệnh.

Thì ra Huy đã yêu nàng! Huy yêu nàng đã lâu, từ ngày ấy. Quì chỉ hiểu rõ có thế. Ngay đêm nàng bực tức với Huy, nhận lời lấy Mậu, Huy đã mang trong lòng cái tình kín đáo. Nàng ngu quá, không biết tí gì. Nhưng sao chàng lại giấu diếm, không nói ngay ra. Nói ra, có phải là.... Nghĩ thế lại càng ngu nữa! Đừng đoán, kín đáo như Huy, đâu chàng có vội nói ngay những chuyện ấy?

Huy còn coi nàng là con trẻ. Kể cũng đáng lắm, nào đã biết gì, chỉ hồn, dối, hơi bị trái ý là nặng mặt sa mày. Không hiểu được Huy, không biết câu cuối cùng của chàng là một câu chí tình, không tình ý gì, Huy không nói đến thế.

Quì đề mê nghe. Tiếng nói, giọng nói, đúng như nàng thường mong được nghe từ đã lâu lắm. Một điệu nhạc làm thần sắc tê liệt, mang tâm hồn đi rất xa. Đề khi trở lại, thấy cảm giác của người xưa nay vẫn thiết tha mong một vật gì, bây giờ

thấy rằng vật đó đã có lần sát lại gần. Vì không biết mà giữ, nên nó đã bay đi mất. Làm sao lấy được lại?

Chung quì, chỉ tại đã không hiểu nhau. Huy không biết là Quì cũng đã yêu chàng. Mỗi tình đó chưa rõ rệt, có lẽ chính người con gái cũng chưa tự biết. Nó mới biểu lộ bằng những trạng thái lơ mơ Quì đã đề ý đến Huy, đến cử chỉ, ngôn ngữ của chàng hơn là đến các thanh niên khác. Rồi nàng buồn, vui, giận, tức vì Huy. Sao Quì lại bị kích thích về những chuyện không liên can đến nàng? Nếu một trong hai người ngổ ý, thì hai tâm hồn ấy đã gần nhau. Không ai chịu nói. Quì im lặng đã đành, Huy thì quá tự tin, chắc thế nào công việc cũng xong theo ý chàng. Chàng không vội, và không ngờ. Không ngờ duyên số định theo lối khác.

Lúc hiểu nhau, thì đã muộn. Quì vẫn cúi mặt, thở dài.

— Bây giờ chắc cô hiểu tôi hơn. Cô không giận tôi nữa chứ?

Quì ngẩng nhìn Huy, sẽ lắc đầu. Nàng không có sức nói một câu gì. Huy thấy trông cặp mắt còn ướt đầy cảm tình, một vẻ buồn mênh mang, và như cả tâm hồn khắc khoải của người con gái. Hai con mắt như thú với chàng khối tình u ầu, bây giờ mới tự biết rõ hơn, và lộ ra ngoài. Huy nhìn cặp mắt, nhích sát lại Quì, nhắc lại câu khi nãy, giọng nhỏ như tiếng nói thầm:

— Cô không giận tôi nữa chứ?

Quì lại cúi xuống, trả lời khẽ:

— Không. Có bao giờ tôi giận anh đâu?

Nàng lại ngược nhìn Huy. Lần này, thì không còn ngờ việc gì, không một lời tình ái, một câu thư nhân nào rõ rệt hơn giọng nói, dáng mặt Quì lúc ấy.

— Thế ra... thế ra...

Huy không nói hết, vung đứng dậy, hai tay nắm chặt trong túi quần, chàng cố nén cảm động, đi mấy bước ra xa chỗ Quì, chân dần mạnh xuống cát. Đã rõ rệt lắm, chàng không cần hỏi gì thêm. Quì, từ xưa đã yêu chàng. Bây giờ thì Huy hiểu rõ, cả từ cái dáng điệu dấm dắp, cái kính của Quì khi trước. Chỉ vì chàng đã vô tình, thờ ơ với nàng. Nào có phải chàng vô tình? Nếu biết sớm, cuộc đời đã tốt đẹp biết bao! Quì không phải chịu bao nỗi đau khổ, và những điều dự tính của chàng đã thành sự thực. Huy càng tự trách mình.

Huy cầm lấy hai bàn tay Quì, nàng tin cần đề tay trong lòng tay Huy. Hai người yên lặng nhìn nhau, lời nói lúc ấy là thừa. Họ như đã hiểu được nhau, và ái tình chân thành phần nhiều lặng lẽ. Một lúc lâu, Huy hỏi khẽ:

— Chậm quá rồi. Biết làm thế nào?

Quì không nghĩ đến điều gì khác. Huy phải nhắc, nàng mới phớt là đã có chồng, có con, và

ngồi đây lúc này với Huy là đủ cho xã hội buộc tội, Qui chỉ nghĩ thoáng qua, nàng không cần. Nhưng Qui cũng chỉ liệu được đến thế, nàng không nghĩ được cách thoát ly, như trước đây, những lúc chán nản thất vọng, nàng đành cam chịu tuy đây ý muốn phản kháng.

— Làm thế nào, Qui đành chịu mãi thế à ?

Huy nắm chặt bàn tay Qui. Nàng nhìn Huy, muốn nói : « Biết làm thế nào ? Anh nghĩ hộ xem. » Đã biết rõ, Huy thấy không thể nào để Qui ở trong cảnh ấy. Tâm trí rối loạn, chàng cũng chưa thấy cách gì ổn thỏa, hợp cho chàng, cho Qui, cho tình ái của hai người.

— Ngày mai, anh sẽ lại thăm anh Chắt, vào buổi chiều. Em liệu ở nhà, đừng đi đâu.

Con vú đợi lâu quá, đã chợp ngủ mấy lần, và vẫn thấp thỏm sợ không nghe tiếng gọi cửa. Lần thứ nhất nó phải đợi khuya đến thế, mọi lần Qui không bao giờ đi quá nửa đêm. Đồng hồ hàng xóm đánh hai tiếng, rồi ba tiếng. Con vú phân vân. Mỗi lần Tính nằm cạnh động dậy, nó lại sợ thằng bé khóc, bà cụ dậy hỏi đến Qui thì không biết nói sao.

Cửa mới động khẽ, nó đã đón đến ra, xê xê mở. Qui yên lặng lón vào. Nàng đi thẳng vào buồng, nàng thay xong quần áo, lên giường nằm, thì bên ngoài, trời bắt đầu hửng sáng.

XVIII

Bà Mậu vào nhà, hỏi Qui :

— Cô không đi chơi đàn à ? Để đâu ?

— Để ở nhà trong. Con vú chưa về à ?

— Nó đi sau. Cô đưa cháu tôi ẵm cho.

— Chị hãy đi thay áo đi đã, kéo nó lại làm bần ra.

— Được, việc quái gì. Cô cứ đưa cháu cho tôi.

Bà Mậu đón lấy Tính. Con vú cũng vừa về, cầm cái nắp coi trầu. Bà Mậu bảo con vú :

— Mày sang ngay bên cụ Tú bảo mợ con mời cụ sang chơi soi nước.

Con vú cất nắp tráp, vội đi ra. Bà mẹ trong nhà ra, hỏi bà Mậu :

— Đã về đấy à. Mợ có xin thẻ hay sao mà mời cụ Tú ?

— Vâng, con có xin một quẻ thẻ, nhờ cụ sang đoán hộ xem ra sao.

Bà Mậu về đã mấy hôm. Ngày nào bà cũng đi lễ đủ các đền chùa trong thành phố. Bà đi lễ với cả tấm lòng thành kính, tấm nước lã thơm, quần áo rất thanh khiết, tự tay sửa soạn, sắp đặt lễ vật. Bà thiết-tha cầu ủng hộ ở thần phật, lúc nào cũng nhắc đến. Trong những lúc nói chuyện, tỏ ý mong ước một điều gì, bà Mậu thường chêm vào những câu : « nhờ trời thương thánh độ... »

Qui biết rằng chị về, không phải chỉ để đi lễ,

Bức thư cuối cùng, Mậu nói đề thu xếp xong xuôi. Mậu cam đoan sẽ không còn xảy chuyện gì, và, muốn chứng thực lời chàng, người chị sẽ tự xuống đón nàng với Tính. Vậy mà từ hôm đến, người chị không đã động gì đến chuyện ấy. Hình thoáng, chị và mẹ lại vào buồng thì thầm. Hình như người chị có chuyện muôn đau nàng. Bà mẹ như cũng về hòa với chị. Những lúc ấy Qui lảng đi nơi khác, tỏ vẻ không cần biết và đã nghĩ sẵn những câu trả lời lúc nào người chị nói đến việc nàng về. Nàng sẽ mệt mỏi, trêu tức người chị cho bỏ những lúc sơ-sát, nàng phải chịu kem. Bây giờ tính thế đã đổi lại. Bà Mậu phải xuống đón nàng, tức là phải chịu yếu thế. Và lại, còn mẹ đây. Dù sao, Qui chắc mẹ cũng bênh nàng. Phen này, chắc người chị phải chịu nhục.

Nhưng lạ thay, bà Mậu không đề ý gì đến nàng, không tỏ vẻ gì bức tức. Bà như đã quên hẳn những chuyện cũ. Không phải như hồi nàng có mang, người chị quên ác cảm, dễ san sóc đến Qui. Lần này, bà chỉ coi Qui là một người dưng. Bà không ra vẻ ghét, nhưng cũng không có chút cảm tình. Qui ăn, ngủ, đi chơi tùy ý. Cô nói với nhau, thì đại khái cũng chỉ là những câu tầm thường, Qui cố tìm cũng không thấy ý gì uẩn, tỏ ra họ đã chung nhau một người chồng. Cả đến giọng nói cũng bình thản. Bây giờ, bà Mậu chỉ là người chị và Qui là cô em gái chưa chồng, như hồi nào.

Bà Mậu vẫn yêu Tính, nhưng không tỏ vẻ tha thiết như xưa. Tính thoáng bà bề Tính trong chốc lát, rồi tỏ vẻ mệt nhọc, dao trả vù. Giấc ngủ, bữa ăn của đứa bé không còn trực bà săn sóc. Nhiều lúc bề Tính, nét mặt bà lại lơ đãng nghĩ chuyện đâu đâu.

Tuy người chị không đề ý đến nàng, Qui cũng không thấy được tự do như trước. Nàng không dám đi chơi lâu đi chơi khuya. Lúc này, nàng lại cần phải đi lắm. Qui đã phải bỏ những cuộc hội họp với chị em, để đến chỗ hẹn với Huy. Lúc nào cũng vội vàng, thường đang dở câu chuyện với Huy thì đã hấp-tấp phải về. Mà chuyện nàng với Huy thì không biết bao giờ cho hết.

Bà Mậu ở chơi đã lâu, Qui đã cho rằng không phải vì nàng mà người chị xuống, và Mậu chỉ định lừa nàng một lần nữa, thì câu chuyện ấy xảy đến.

Đã xong bữa cơm chiều. Con vú dọn dẹp trong bếp với người ở. Bà mẹ con ngồi quanh chiếc bàn nhà ngoài. Tính đang nhẩy trên đùi bà Mậu. Qui đang nghĩ cách gì đề lat nữa đến với Huy. Nàng thường nhìn trộm chiếc đồng hồ treo, đếm từng tiếng quả lắc. Đột nhiên, bà Mậu hỏi nàng :

— Thế bao giờ cô cho Tính lên ?

— Em định mấy hôm nữa

Qui quên cả những điều dự tính. Người chị hỏi nàng đột-ngột quá, và cung lại câu hỏi. Đá bà Mậu nói : « Thế cô nhất định không cho Tính lên à ? »

Thêm một chút khiêu khích trong giọng nói, thì Quì đã nghĩ ngay đến những chuyện lồi thối. Người chị đã cho là một chuyện dĩ nhiên, không kể gì đến điều khác, giọng nói rất bình thản. Rồi trong lúc bất ngờ, ngẫu nhiên Quì trả lời như một chuyện dĩ nhiên, nàng vội nói thêm:

— Đề em còn xem xem đã.

Bà cụ bảo nàng:

— Còn xem mới xét gì nữa. Cho con lên với nó. Chắc nó nhớ thằng bé:

Quay sang bà Mậu, bà cụ thêm:

— Đã bảo nó mãi mà nó không chịu lên. Con nhà đến cứng đầu cứng cổ.

Bà mẹ đã nêu lên câu chuyện Quì muốn nói. Bây giờ, nếu người chị muốn biết vì lẽ gì nàng không chịu lên, thì nàng sẵn lòng trả lời. Người chị im một lát, rồi vẫn thản nhiên:

— Hoặc cô ấy còn muốn ở chơi dưới này. Thỉnh thoảng anh ấy nhắc đến cô, không hiểu sao cô chưa cho Tinh về.

Chỉ nhắc đến thôi? Quì tưởng là Mậu mong nhớ nàng đến mất ăn, mất ngủ. Bức thư nào chàng cũng nói vậy. Có lẽ Mậu nói dối như chàng đã quen dối trá xưa nay. Hay có mong nhớ thật, mà không dám lộ cho vợ cả biết? Cả hai thái độ cùng hèn như nhau. Nếu Mậu đau đớn vì xa nàng, đau đớn đến không thiết tới cuộc đời, như lời chàng viết, thì dù muốn dấu, người vợ cả tất cũng nhận thấy và không thể bình thản như vậy. Chung qui Mậu vẫn khỏe mạnh, ngày hai bữa ăn, hai buổi đi làm. Muốn nàng về để thêm vui cho mình, và bắt nàng vào cảnh khó chịu.

— Nếu cô muốn ở chơi với để ít ngày nữa, hoặc bận công việc gì, thì thông thả rồi cho con lên cũng được.

Bà Mậu nhìn Quì. Tự nhiên, Quì chột dạ, thấy trong vẻ nhìn và lời nói của chị một ý nghĩa gì khác. Nàng bận công việc gì? Người chị thừa biết là nàng chẳng có công việc gì. Sao người chị lại hỏi câu ấy? Hay là... hay là chị nàng đã biết chuyện?

(Còn nữa)

SÁCH MỚI

Chúng tôi đã nhận được:

NGHỊ LỰC « Sức khỏe mới » III của Phạm-như-Khuê Hàn-Ihuyên xuất bản giá 1p00..

HÀN-MẠC-TU của Trần Thanh-Mại.

Xin trân trọng cảm ơn các nhà gửi tặng và giới thiệu cùng Độc giả

T. N.

ĐÍNH CHÍNH

Trong khúc nhạc giáo đầu (Thanh Nghị 1er Mai) ở nhịp 21 dấu « si » xin đọc là « la » và ở nhịp 50 dấu « fa » xin đọc là « mi ».

ÂM-NHẠC LỐI HÁT Á-ĐÀO

(Tiếp theo trang 15)

Ở « sòng-dàn » mấy tiếng lấy đà (anacrouse) ở nhịp đầu ; hai tiếng hòa với nhau nhắc đi nhắc lại ba bận ở nhịp thứ ba, tư, năm ; những cung 4 bậc, 5 và 8 bậc (quarte quinte et octave) (thường thấy dùng trong những bản nhạc hùng dũng của nhà binh) đã khiến cho ta cảm thấy rõ ràng sự mạnh bạo, đột ngột cương quyết của sòng-dàn.

Còn như ở khổ giữa, khổ siết và lá đầu, điệu đàn đã mang lại cho ý nghĩa của những khổ phách một vẻ âm đậm rất nhẹ nhàng mà vẫn dấn dỏi.

Chắc các bạn có học âm-nhạc tây cũng nhận thấy rằng ở đoạn này điệu đàn đều lấy ở một hiệp-âm vị-thành-cung (accord parfait mineur).

— Một hiệp-âm sáu nốt, buồn rầu — nhưng cung (intervalle) vị-thành-tam-cấp (tierce mineure) và tiếng đứng cách âm chính không đầy ba bậc đã dùng đến rất ít (nguyên nhân sự buồn, sầu của hiệp-âm vị-thành-cung là do ở cung tam cấp và ở tiếng đứng cách tiếng chính không đầy ba bậc) nên khúc đàn này không buồn, sầu chỉ dịu hẳn đi để làm rõ rệt thêm sự đột-ngột của sòng đàn thôi.

(Còn nữa)

NGUYỄN XUÂN KHOÁT

MARBRERIE

PHAM VAN VY

MONUMENTS
FUNÉRAIRES
TOUS TRAVAUX
EN MARBRE
ET GRANITO



Appareil sanitaire en granito

34, rue Sergent-Larriyé. HANOI

ÂM - THANH

(Tiếp theo trang 12)

ta cả một *hoàn cảnh* để Thơ phát hiện, mà ta thực không ngờ.

Khi ta đi giờ Tự-diễn để tìm cái nghĩa của tiếng ấy, thì *hoàn cảnh* kia đã tan mất từ bao giờ.

Đã kết luận cho bài này, tôi không làm thế nào nói được những lời lạnh lùng của một người khảo sát khách quan. Tôi không thể nào nghiêm-nghị đặt vào đây những vấn-đề trang trọng, mà bài luận này thế tất phải gọi lên, — vấn-đề tự-diễn, vấn-đề ngữ-phạm, vấn-đề duy nhất Việt-ngữ, v. v...

Trong lòng tôi còn đương bồi-hồi cảm-động vì thấy tiếng nói mẹ đẻ tốt đẹp vô cùng, đầm-thấm vô cùng và vô cùng ý nhị, lại có một sức thần bí đưa tôi tới những cảm-xúc và cảm thông tuyệt vời. Đó là tri-kỷ, đó là tình nhân, đó là thân quyến của tôi. Tôi những muốn lặng im trong mối tình trác tuyệt, sao nỡ lấy lời mà bày tỏ, mà phân tích, mà nghị luận trong lúc này.

Tôi phải dừng bút tại đây, thiết-tha nghĩ tới tiếng nói của tôi, nghĩ tới những người cùng nói với tôi một thứ tiếng, và cùng tôi hiểu nhau, tôi nhau cảm thông với nhau trong một *tiếng*, — không, trong một ÂM, trong một THANH nào đó.

Những người còn sống, — hay đã chết, — hay không bao giờ sẽ thấy trong Đời tôi...

ĐOÀN PHÚ-TỬ

TRƯỜNG THỀ-DỤC Đ. DƯƠNG...

(tiếp theo trang 10)

nhảy, leo, ném tạ, nhắc tạ, kéo co... mục đích là tạo nên một lực sĩ hoàn toàn (athlète complet), môn nào cũng giỏi. Sau buổi tập sáng thường có chạy 1500 thước, môn mà học trò cho là khó nhọc nhất, để luyện lấy sức dai (resistance) Chạy 2400 thước trên vòng, ai không quen tập thể dục chưa hiểu được mùi vị của nó ra sao. Chạy 1500 thước trên vòng, không phải trong 10 phút, hoặc 8 phút mà là trong 5 hoặc 6 phút là cùng, đó mới là tất cả ý nghĩa của sự khó khăn. Qua hai vòng trên sân, chân chồn gối mỏi, thân thể hầu như đã hàng phục, chỉ còn ý chí, nghị lực tinh thần chống lại, muốn cố gắng. Tới cuối vòng thứ ba, khi qua biển đích, người có khi mệt là chỉ muốn ngã hoặc nằm giải trên đất.

(Còn nữa)

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$ 00 mua

VÉ SỔ SỐ
Đông - dương

MUỐN NÀNG CAO CÔNG NGHỆ
NƯỚC NHÀ NÊN DÙNG DẤM

PÉDOCA 6⁰

Chế theo phương pháp các nhà
sản xuất Desseau và Borde-
laise, đã được phòng thí-
nghiệm công nhận Thơm và độ
Chua không thay đổi

Có bán tại các hiệu thực phẩm như
G. M. R. Poinsard Veyret

Làm đại-lý, viết thư về:
136 Armand Rousseau, Hanoi

ĐỌC **SỔ HÈ TRẺ EM**

Đủ vui cả Ba tháng Hè

Bìa 5 mẫu, 32 trang

Giá bán : 0 \$ 40

CÁCH SINH-HOẠT TRONG MỘT

(Tiếp theo và hết)

Vì có một viện khảo-cứu bao giờ cũng chuyên môn về một ít vấn-đề mà thôi, sớm khi-cụ vừa đủ để sưu-tầm về vấn-đề ấy, cho nên mỗi viện hình như có một tôn-chỉ riêng. Như viện ông Joliot thì chuyên khảo-cứu về những cuộc biến-hóa xảy ra trong các chất bị bắn với những hòn đạn mạnh như « còi x », hoặc « đơ-tơ rông » và « nơ trông ». Những tiếng « bắn » và « đạn » tôi dùng ở đây, xin các ngài đừng tưởng thật-sự: nếu không ai nói trước cho các ngài biết, thì lúc các ngài bước vào viện khảo-cứu, đi qua những buồng vắng-vẻ và yên-tĩnh, không một tiếng ồn-ào, họa chăng chỉ có tiếng sột-soạt để giầy của các ngài trên sàn lát toàn đệm cao-su, thì đời nào các ngài có thể tin rằng ở trong các gian phòng ấy lại có thể có những cuộc bắn lớn và nguyên-tử vỡ nổ dữ-dội. Nhưng có dữ-dội chẳng cũng dữ-dội trong phạm-vi rất nhỏ, không ra ngoài vòng một đầu mũi kim. Và những viên đạn dùng, cũng như các nguyên-tử bị bắn vỡ nổ phải chất hàng trăm-ngàn-triệu-triệu mới bằng được cái đầu kim-băng. Tuy thế những mảnh vỡ bay ra nếu trúng vào da-thịt có thể làm hại một cách mãnh-liệt, và nếu lâu ngày tất sinh bệnh tật rất tàn khốc. Cho nên những người làm việc ở đây phải đề phòng và lúc nào cũng cần thận-nập sau những bức tường kiên cố bằng chì dày.

Đã thế thì trong một lúc, các « khảo-viên » trong một viện thường hay nghiên-cứu về một hai vấn đề mà thôi, rất mật-thiết với nhau. Những điều người này phát minh ra rất có thể bổ-ích cho việc tìm kiếm của người kia. Và cũng vì thế, tất cả anh em trong một viện, cần phải giao-thiệp trực tiếp với nhau luôn luôn. Lúc nào cần và lúc nào có thể được là phải gặp nhau. Nhưng nếu để tự-do các « khảo-viên » muốn gặp nhau lúc nào cũng được thì rất phiền-phức cho cả hai bên. Vì không phải lúc nào cũng có thể gặp ông bạn sẵn-sàng để tiếp chuyện mình. Và nếu rủi mình gặp ông ta đang làm dở một cuộc thí nghiệm, thì mình nên rón-rén đi ra, làm như mình tin rằng ông ta không biết có mình vào. Còn nhiên là ông cũng chẳng làm gì, nhưng được thế ông rất hài-lòng và bạn sau nếu cũng gặp trường hợp như thế ông sẽ lật-đật trả-lễ cho mình.

Vì trong công-cuộc khảo-cứu, không có cái họa nào mà các « khảo-viên » ghê sợ bằng cái họa bị « phá-đám ». Hình như có ai run-rủi, lúc nào bị « phá-đám » như thế cũng gặp lúc cuộc thí-nghiệm đang tiến-hành một cách rất thỏa-mãn. Cũng có thể rằng cuộc thí-nghiệm sau này phải hỏng, dù không ai đến cản-trở, nhưng lúc nó hỏng rồi, thì sao họ cũng sẵn-lòng mà đổ tội cho ông khách « vô ý thức ». Vì thế mà trong đám « khảo-viên » đã thành một cái lệ gần như mê-tin tránh gọi chuyện với bạn trong lúc họ đang thí nghiệm.

Thành ra muốn cho « khảo-viên » được gặp nhau dễ-dàng, viện phải hàng tuần tổ-chức một buổi-họp thân-mật: đó là « tiệc-trà ở viện » cái tiệc trà đã danh-lừng vì ngộ-nghĩnh. Khách thì mặt những bộ-cánh « lao-động » đầy « vết của sự cần-lao », bình trà là một trái cầu hoặc là một cái bình-thuần nhỏ vệt, chén trà là những cái bát trệt bằng sành mà thìa là những cọng bằng chai hoặc những cái vệt bằng sứ. Chung-quanh những « chén trà » thơm nức, câu chuyện nổ như pháo rang, người ta trao-đổi ý-kiến, người ta giúp đỡ lẫn nhau. Và cũng có thể người ta lợi dụng cái lúc mình đang lạc-quần vì mấy cái bánh-kep dòn và phệu toàn thịt-muối, mà xúi mình khởi-hành một lớp thí-nghiệm mà trước kia và có lẽ không bao giờ mình nghĩ đến nếu họ không can-thiệp một cách làm ra dáng vô tư. Vả, dù sao cũng không hại lắm, vì rút cục chỉ để giúp cho Khoa-học tiến mà đây thì không đâu hơn, mục-đích phải biện hộ cho thủ-đoạn. Vội lại đã chắc gì ai hoàn-toàn hơn ai, và một ngày kia không có dịp mình lại bịp họ.

Nếu trong tuần-lễ có một « khảo-viên » nào phát-minh được một vài điều quan-trọng, có thể bổ-ích cho tất cả viện, thì lúc ấy ông Joliot bảo người ấy giảng rõ những điều mình biết cho các anh em nghe, trong một cuộc nói chuyện. Và trong những dịp ấy, thường có mời các « khảo-viên » ở viện gần đấy mà cũng cùng chung tôn-chỉ như viện của các giáo-sư Perrin, Langevin, Debierne, v. v, Nhờ đấy, xáy đắp dần nền cộng-tác trong các « khảo-viên » bằng cách trao-đổi ý-kiến trong dịp những cuộc nói chuyện ấy, hơn là bằng cách trao-đổi giấy-má, nó chỉ có ý-nghĩa lúc nào ở xa

VIỆN KHẢO-CỨU Ở PHÁP

NGUYỄN NHƯ KONTUM

nhau quá, không thể gặp nhau được. Một chừng cứ chắc-chắn là mỗi một lúc có nhà bác-học ngoại quốc nào đi ngang Paris chẳng hạn, ông không khỏi đến thăm viện ít là một lần. Trong dịp ấy, viện tổ-chức một tiệc trà đặc-biệt, cũng trong quang-cảnh ấy và cũng lễ-nghi ấy. Và nếu trong chương-trình không có cuộc nói chuyện nào, thì người ta mời ngay ông khách ừng-khầu một vài mẫu chuyện về viện của ông, hoặc về công-cuộc ông đang tiến-hành. Đó cũng cùng một tư-tưởng như trên: tư-tưởng cộng-l tác cùng tất cả các khảo-viên đang xu-hướng về một vấn-đề, mà đề ngoài tất cả ý-nghĩ « hương-thôn » trái mùa, hoặc những lo-âu gàn về quyền lợi phát-minh.

Bây giờ chúng ta đã biết qua được cái « không khi » trong viện, ta hãy bước sâu vào cuộc đời hằng ngày của con người hơi kỳ-quặc mà người ta gọi là « nhà bác-học ». Tôi sẽ dựa theo những điều tôi đã được mục-kích chắc-chắn để phác qua trước mắt các ngài công việc hằng ngày của nhà bác-học từ lúc sáng dậy cho đến lúc đi ngủ. Tôi không dám khoe rằng đó sẽ là khuôn mẫu cuộc đời hằng ngày của các nhà bác học, tôi xin dẫn qua làm thí-dụ mà thôi, để các ngài được rõ rằng cuộc đời ấy đại-khải cũng chẳng khác mấy cuộc đời của một người làm nghề khác.

Ông Joliot sáng nào cũng dậy sớm, độ 7 giờ. Kể bên Pháp và ở các xứ lạnh, công-sở đến 9 giờ mới mở cửa, thì 7 giờ còn là một giờ sớm. Vậy ông Joliot dậy xong, rửa mặt qua loa rồi đến ngay nhà thầy dạy võ. Vì ông Joliot rất ham lòi võ nhật gọi là « judo », môn võ jiu-jitsu cải-lương. Chắc các ngài cũng biết môn-đồ của lối võ ấy phân hạng cao thấp bằng màu dây thắt-lưng. Kể mới nhập-môn thì thắt lưng trắng, rồi dần-dà học được thì lên bậc thắt-lưng vàng, lục, cam, và đen. Chính bậc cao nhất là bậc thắt-lưng đen, còn chia ra bốn hạng, mà mỗi khi muốn lên hạng trên thì phải hạ được bốn hay năm (tôi cũng quên không nhớ rõ) võ-sinh cùng hạng với mình. Ông Joliot lúc ấy đã lên được hạng nhì, và rất cần-mẫn tập được để cõ lên hạng trên. Cho nên thường thường được thấy ông dự các cuộc đấu võ tranh-hùng. Và sáng nào, từ 7 giờ rưỡi đến 8 giờ 15 phút, cũng thấy ông học tập với thầy võ của ông trong 45 phút, thầy-trò đều

cố gắng, thầy thì chăm-từng cử-chỉ để khỏi hại đến trò, còn trò thì xem-xét học từng mảnh khỏe nghề-riêng của thầy. Trong câu chuyện này có một tiền-liết rất ngộ-nghĩnh là ông thầy võ của ông Joliot, chàng Feldenkrais, lại cũng là học-trò của ông ở viện, khảo cứu. Thành thử chàng thanh-niên ấy sáng ngày thì dạy bài-học bằng bập-thịt mà cuối ngày thì học bài-dạy về lập-luận và tri-tuệ.

Xong cuộc tập, hai thầy trò vào buồng tắm mát và xát thân thể, xong, sửa soạn chỉnh-lề, rồi cùng ra trà-điểm ở cạnh trường ăn sáng nào bánh tây trái bơ mấy cái, nào cà phê sữa bát đầy to tướng. Rồi đến 9 giờ thì cả hai cùng vào viện bắt đầu công việc hàng ngày, tinh thần sáng-suốt, tri-giác minh-mẫn.

Từ 9 giờ đến 10 giờ, ông Joliot liếp các môn-sinh nào muốn hỏi ông về những điều khó hiểu, hoặc muốn trình ông biết những điều mình khảo sát ngày hôm trước, để cùng thầy bàn-bạc về chỉ hướng phải noi theo để đi xa vào những điều đã hiểu-biết. Xong, ông Joliot mới chuyển đến công-cuộc nghiên-cứu của riêng ông, hoặc ở buồng thí nghiệm của ông, hoặc ở buồng giấy. Riêng về các thí nghiệm ông phải làm, thì phần nhiều ông Joliot không mấy khi ở luôn bên cạnh bàn thí nghiệm, vì lúc nào ông cũng dự được một độ-độ hợp tác cùng ông, rồi ông giao cho công việc trông-nom và biên-chép trong các cuộc thí-nghiệm. Thành thử ông chỉ có một lúc đàn-xếp và khởi hành, rồi đến lúc cuộc thí nghiệm đã tiến-hành thì ông để cho mình, mà về buồng riêng đọc sách xem lại biên bản các cuộc thí nghiệm trước hoặc suy nghĩ về kết-quả xa gần. Cho nên nói là hợp-tác với thầy, nhưng thật là « làm mọi » cho thầy, kể về nghiên-cứu thì có thiệt hại cho mình, nhưng lại được cái học « mảnh-khoẻ nhà nghề » nên không mấy khi ai từ-chối lúc thầy hỏi « hợp tác », trừ lúc mình đang ham mê về một vấn-đề không thể bỏ dở được.

Cho đến lúc, cuộc thí-nghiệm đem lại một vài tài liệu mới-mẻ hay quan-trọng, thì lập-lức ông Joliot từ đấy mà suy ra một vài qui-kết để đem ra kiểm-chứng. Đến đấy thì cuộc đời thay đổi hẳn: sinh-hoạt trở nên rộn-rĩp vô cùng, vì thầy

trò đều nghe ngóng sắp phát-minh ra những điều mới cho khoa học, và cùng nóng lòng biết chắc đề công bố lên báo-chương. Cũng vì đấy mà trật-lự trong-viện đảo ngược hết ; giờ làm việc và giờ nghỉ-ngơi không còn biết là lúc nào nữa, người ta không còn thấy mặt ông Joliot ở buồng giấy ông từ 9 giờ đến 10 giờ sáng nữa, vì hoặc ông đã bắt đầu làm việc từ sáng sớm đến nỗi lúc 9 giờ ông còn mê-mệt bèn bàn thí-nghiệm, trong buồng riêng cửa khóa then cài ; hoặc là tối hôm trước ông đã thức đến gần sáng để theo đuổi một cuộc thí-nghiệm đầy hứa-hẹn, cho nên sáng hôm nay 10 giờ ông mới xách cặp đến viện, để tọt vào buồng đóng cửa lại. Nhưng lúc ấy, chúng ta phải chứng-kiến những khuôn-mặt tiu nghỉu của các môn-sinh, cậu nào cậu nấy hết hơi mà cũng cố nài tìm kiếm thầy, đề nài áo thầy bèn cánh cửa, hoặc ở góc hành lang, gặng hỏi thầy những điều mà thầy khó lòng suy-nghĩ được vì chính thầy cũng đang bối-rối vì biết bao mối tương-phan.

Nhưng phải nhận cho rằng dù là hôm nào, và tuy bị « phá-đám » như thế, không lúc nào thấy thầy có một cử-chỉ gắt-gồng, hoặc tỏ một ý-nghĩ phật-lòng. Lúc nào thầy cũng là người rất độ lượng, và cùng đồ-độ ham-tiến như kẻ mã-ky đang tận lực phóng nhanh nhưng cũng cố gắng day về đàn-em để kiếm cách kéo lên cùng tiến.

Ngoài những hôm bất thường như thế, hôm nào ông Joliot cũng thôi việc ở viện lúc đúng ngọ để lái xe sang « Qnang-tuyển-viện » đón bà Joliot cùng về nhà riêng ăn cơm trưa với các con đi học đã về và đợi cơm từ 11 giờ rưỡi. Cơm xong cả hai vợ chồng cùng nhau trò chuyện một lúc, trong những cuộc đàm luận như thế tôi đã được biết không mấy khi hai ông bà bàn-bạc về tài chính nội-gia hoặc về chi tiết nhỏ-nhất gì trong việc giao-dục con cái, mà phần nhiều là hai người trao-đổi ý-kiến về đời nghiên-cứu của họ. Chắc các ngài cũng biết rằng bà Joliot cũng giáo-sư ở trường Đại-học Paris, và là một nhà bác học uyên-thâm đã từng cùng chồng giât giải thưởng Nobel về Vật-lý-học nhờ sự phát-minh ra hiện tượng các chất quang-tuyển nhân-tạo. Và lại hai ông bà cũng đã bắt đầu quen biết nhau và yền nhau ở viện khảo cứu của bà Curie, lúc bà Joliot còn là cô Irène Curie, con yêu-quý và là người phụ giao ra nhất của bà mẹ. Lúc ấy ông Joliot đã là một kỹ-sư lành nghề, nhưng còn là một đồ đệ non nớt, chịu lời giáo huấn của bà thầy Curie và của cô phụ-giáo Irène. Hai cô cậu đã dần lại

tấn-tuồng mà hơn 20 năm về trước, cô Marie Sklodowska cùng cậu Pierre Curie đã từng sống.

Đến 2 giờ trưa thì cả hai cùng trở về « xóm La-tinh », mỗi người trở lại viện khảo-cứu của mình. Từ 2 giờ đến 7 giờ, ông Joliot làm việc suốt buổi ; tuy vậy ông cũng cho phép môn đệ nếu cần lắm đến hỏi han. Và lại cũng buổi trưa từ 4 giờ đến 5 giờ, ông tiếp khách ngoài, nếu có ai đến thăm viếng, và cũng buổi trưa, mỗi ngày thứ tư, ông giảng-thuyết ở giảng-đường để cho các khảo-viên được nghe về những điều tối-tán trong khoa « Hóa-học phần nhân ». Và cũng từ 4 đến 5 giờ, cứ ngày thứ sáu thì có buổi tiệc-trà ở viện.

■

Chiều 7 giờ là hết ngày, trừ những hôm bất thường. Và ông Joliot lại thắng xe đi đón bà Joliot cùng về. Cả hai đều mang việc về nhà làm ; hai cái cặp to tướng đầy những sổ chép ở buồng thí nghiệm, những biên-bản của môn sinh, nào những con số dài hàng trang, nào những đồ-biểu. Đề rồi ăn cơm xong, cả hai lại chong đèn thức đêm cho đến quá 11, 12 giờ khuya, cùng như ham-mê mơ-màng trong cuộc sống của các nguyên-tử, cuộc sống mà nhờ có trí sáng-suốt của bao nhiêu nhà tìm-tòi mới phát-minh ra được, dưới bộ mặt yên-ĩnh và như ngủ kỹ của tất cả các chất vô-cơ. Rồi hai người bàn luận với nhau, ông đem tất cả tài lập luận chặt-chẽ gần như lạnh-lùng và trí trong-sáng, bà dùng tất cả cái cảm-tình huyền-diệu của bà, dựa vào một hiểu-biết tinh-thống về loạn pháp.

Các ngài đừng tưởng rằng các cuộc bàn luận ấy buồn tẻ. Vì hai người đã trải bao ngày giờ đề « nghe-ngóng » các nguyên-tử, bấy giờ thành ra bạn thân-thuộc. Bao nhiêu « cử-chỉ » của nguyên-tử họ trông đợi với cả tấm lòng nhiệt-

(xem tiếp trang 30)

TÔ MỸ

102, Hàng Bát Xứ — Hanoi

Chuyên môn may y phục phụ nữ —

Manteaux — Pyjamas

HIẾN-PHÁP VÀ QUYỀN LẬP-HIẾN

(Tiếp theo trang 2)

Sách Quốc-Ngữ có câu: «phòng dân chi khâu thậm ư phòng xuyên; xuyên ủng nhi hội, thương nhân tất đa, dân diệc như chi; thị cố vi xuyên. quyết chi sử đạo; vi dân giả, tuyên chi sử ngôn... phù dân lữ chi ư tâm, nhi tuyên chi ư khẩu... hồ khả ủng dã...» (giữ miệng dân khó hơn giữ nước sông; đắp sông mà sông vỡ, thì nhiều người bị hại, dân cũng thế. Cho nên người làm sông phải đề cho sông chảy, người trị dân phải đề cho dân nói... Ôi! dân lo trong lòng, phải nói ra miệng, giữ làm sao được).

Những tư-tưởng dân-quyền đời thượng-cổ, trải qua mấy nghìn năm chế-độ quân-chủ, còn lại ảnh hưởng gì không? Ta hãy xét qua mấy học thuyết có thể-lực trong nền chính-trị Trung-Quốc, nhất là học-thuyết của Nho-Gia.

Lão-gia, về chính-trị, chủ-trương thuyết, ngu dân Lão-Tử nói: «Dân chi nan trị, dĩ kỳ tri đa» (chỗ khó trị dân là vì cho họ nhiều trí khôn).

Pháp-gia cũng phản-đối dân-quyền. Thiên Định-Pháp trong sách Thuơng-Quán có nói: «dân khả giữ lạc-thành nan giữ lữ-thủy» (có thể cùng dân vui hưởng lúc thành công rồi, chứ không thể cùng dân lo toan lúc mới đầu).

Còn Nho-gia (thuyết có nhiều thế-lực nhất,) đối với tư-tưởng dân-quyền có nhiều thiện-cảm hơn. Có người căn-cứ vào một câu trong bộ Luận-Ngữ của Khổng-Tử, mà buộc cho Nho-gia cũng tán thành thuyết ngu-dân như Lão-gia. Câu ấy là: «Dân khả su do chi, bất khả sử trị chi» (dân có thể khiến theo được, không thể khiến hiểu được). Lương-khai-Siêu đã thích rõ nghĩa, và theo ý tiên sinh, thì câu ấy không ngụ-ý gì có thể coi là ngu-dân được. (Tiên Tồn Chính-trị trang 310).

Dầu sao, ngoài mấy chữ tối nghĩa ấy, ta không hề tìm thấy trong học-thuyết Nho-gia một tư-tưởng ngu-dân. Trái lại, có rất nhiều bằng-chứng tỏ rằng Nho-gia có thiện cảm với thuyết dân-quyền. Trong Đại-Học có câu: «Dân chi sở hiển, hiển chi. Dân chi sở ố, ố chi. Thử chi vị dân chi phụ-mẫu» (cái gì mà dân thích thì mình thích, cái gì mà dân ghét thì mình ghét, đó là đạo làm cha mẹ dân). Mạnh-Tử cũng nói: «Dân vi quý, xã-tắc thứ chi quán vi khinh».

Có cảm-thiện thì có thật, nhưng bảo là Nho-giáo chủ-trương thuyết dân-quyền thì cũng không đúng. Khổng-Tử có nói: «Chúng hiền chi tất sát yên, chúng ố chi tất sát yên» (công chúng miễn ta hay, ta phải xét; công chúng ghét ta, ta cũng phải xét). Mạnh-Tử cũng có nói: «Quốc nhân dai viết hiền, nhiên hậu sát chi, quốc nhân dai viết bất khả nhiên hậu sát chi...» (người trong nước đều khen ta hay, ta phải xét; người trong nước chê ta không hay, ta cũng phải xét).

Vậy nói cho đúng, thì Nho-gia trọng Dân-lợi chứ không phải Dân-quyền, là vì trình-độ tri-thức của dân chưa thể để dân tham-dự quyền-chính được.

Nhưng lẽ cố-nhiên đến khi tình-thế xã-hội và trình-độ dân-trí đã thay đổi khá nhiều, thì Nho-gia không đo-dự mà tán-thành và chủ-trương thuyết dân-quyền.

Nên chi, những bậc danh-nho cận-đại như Lương-khai-Siêu và Khang-hữu-Vi đều là những phần-tử tiên phong trong cuộc thành-lập Dân-quốc

ĐÃ CÓ BẢN:

TẢN-ĐÀ TẢN VĂN

của Tản-Đà Nguyễn Khắc-Hiến

Đọc Tản-Đà Tản Văn để hiểu và học lấy những tư tưởng của một bậc thi hào, một nhà nho khí phách, một người dân yêu nước, để gây cho tâm hồn những cảm tình cao thượng. Giá. 0\$40

MỘNG và THỰC

Tiền thuyết của Giao-Chi

Nhà văn danh tiếng Giao-Chi, trong cuốn tiền-thuyết giá trị này, sẽ tả những tan vỡ của bao nhiêu mộng đẹp, những sự thực cay đắng của đời, những mơ ước và đau khổ của các nàng trinh nữ.

Giá. 0\$45

CÒN RẤT ÍT:

NÀNG, tiền thuyết của Lan-Khai.

Giá. 0\$60

LỖ BƯỚC SANG NGANG, thơ của Nguyễn-Bình. Giá. 0\$70

HƯƠNG-SƠN XUẤT BẢN

Số 97, Phố hàng Bông — HANOI

Ta phải bàn kỹ hai tư-tưởng *thần-quyền* và *dân-quyền* là vì tư-tưởng ấy có một ảnh-hưởng rất quan-hệ đến *quyền lập-hiến*.

Theo thuyết *thần-quyền* thì quyền lập-hiến ở trong tay người quốc-trưởng được giới trọn để cai trị dân.

Người Quốc-trưởng được tự-ý ban-bố hiến-pháp và khi đã có sẵn hiến-pháp rồi, có quyền tự-ý thay đổi, không cần phải hỏi ý-kiến quốc-dân, và cũng không cần có quốc-hội ủy cho trách nhiệm ấy.

Theo thuyết dân-quyền, thì trái hẳn : quyền lập-hiến ở trong tay quốc-dân. Trong những nước dân-số ít, thì toàn dân họp lại, trực-tiếp bàn-định hiến-pháp và bầu phiếu ưng-chuẩn. Đó là chính thể của *thị-dân cộng-hóa* đời thượng cổ. Ngày nay, dân-số các nước đều đông không thể họp lại mà bàn định được nên phải dùng chính sách *đại-diện*. Quốc-dân đã có *nghey-viện* thay mặt : hiến-pháp do *nghey-viện* thảo-định cũng như là các thứ luật-pháp khác (nước Anh) hay do một *quốc-hội đặc-biệt* thảo-định (ở phần nhiều các nước khác).

Cũng có khi, ở các nước dân-số đông, người ta không dùng chính-sách đại-diện, mà dùng chính-sách khác gọi là « trung cầu dân-ý » (ple-

biscite). Hiến-pháp thảo sẵn, rồi người ta đem ra trưng-cầu ý-kiến của toàn-thể quốc-dân : người đầu-phiếu không cần phải hội-hợp, bàn-luận, chỉ ngó ý *thuận* hay *bất-thuận* mà thôi. Hễ số *thuận* nhiều hơn thì tức là hiến-pháp được quốc-dân chuẩn-y.

So sánh hai thuyết *thần-quyền* và *dân-quyền*, thì thuyết nào hay, thuyết nào dở ?

Ta không thể giả-lời một cách tuyệt-đối được. Gương lịch-sử cho ta biết rằng : mỗi thuyết hợp với một trình-độ dân-tri, tinh-tinh chủng-tộc, và hoàn-cảnh quốc-gia.

P. A.

TIN BUỒN

Chúng tôi buồn đầu được tin bạn Lê-huy-Ruật là bảo đệ bạn Lê-huy-Vân, một thanh-niên hoạt-động và phấn - đấu tuy đã mấy năm nay sức khỏe không được dồi dào, thường viết giúp T. N. và T. E., đã từ trần ngày 20 Mai 1942 tại ấp Quảng Hội Phúc-Yên.

Toàn thể anh em trong ban biên-tập báo Thanh-Nghị và Trẻ Em một lòng mến tiếc chận thực kính viếng hương hồn bạn Lê-huy-Ruật và chia buồn cùng bạn Lê-huy-Vân và tang-gia.

T. N. và T. E.

Cách sinh-hoạt trong một viện khảo - cứu ở Pháp

(Tiếp theo trang 28)

Thành tâm-huyết, cuộc biến hóa của nguyên-tử họ trông theo với tất cả ham-mê, cũng như những vợ-chồng khác ham mê theo cuộc sống và biến đổi của đứa con đang lớn. Cặp vợ chồng ấy ehắc luôn luôn quý mến nhau bằng một tình bè bạn, toàn hiểu-biết nhau, và toàn trọng-nể nhau. Và người ta hiểu tại sao, công việc họ làm được hăng-hái và nhiều hiệu quả, luôn luôn bên mình có một người cùng mình ham-mê, tỉnh sốt-sắng của người náy xô đẩy náy-bốc lòng nhiệt-thành của người nọ.

Hai vợ chồng ông Joliot rất ít đi chơi tối. Họ là một đôi khi cùng các con đi xem chiếu bóng, đi xem kịch, hoặc đi xem khiêu-vũ. Ông Joliot rất thích xem những điệu múa nhẹ nhàng uyển-chuyển mà người ta thường được thưởng thức ở các nhà như Tabarin, hay Moulin Rouge. Và các môn-sinh đã nhiều lúc buổi sáng mới đến được bởi một cái phát đen đét vào lưng để nghe thầy cảm động là cho một hồi về những cảnh đầy thơ mộng thầy đã được chứng kiến tối hôm trước.

Thưa các ngài, đến đây tôi đã hết câu chuyện định nói với các ngài về cách sinh-hoạt trong một viện khảo-cứu. Tôi rất mong rằng qua những câu chuyện của tôi, các ngài đã không tự vẽ ra một quang cảnh sai lầm về cái cuộc đời đầy sự cần-lao ấy. Tựu trung thì cũng chẳng khác gì một cuộc đời khác, và nếu ra khỏi phòng này các ngài đã thốt ra một câu : « Chỉ có thể thôi à ! » thì tức là tôi đã đạt được ý muốn. Vì cuộc đời của nhà bác học, hoặc nói gần hơn, cuộc đời của một « khảo-viên » ở một viện khảo cứu, tóm lại cũng chỉ là cuộc đời của một kẻ cần lao mà thôi. Cái việc có thể khác, — ở đây thì mỗi ngày một khác, đặc điếm hơn phần nhiều các nghề — nhưng cái chỉ làm việc thì đâu cũng vậy. Cho nên nhà bác học, tựu trung thì cũng chỉ là một người lành nghề, và nhất là tha-thiết yêu nghề, để nghề mình lên trên tất cả nguyện vọng.

N. N. KONTUM

(dịch nguyên-văn bài nói chuyện ở Hội Tri-Tri Nam Định)

Báo THANH-NGHI

(mỗi tháng ra 2 kỳ vào những ngày 1 và 16)

BAN BIÊN TẬP

A. — Phần nghị-luận và khảo-cứu :

Các bà PHAN-ANH, HOÀNG-XUÂN-HÂN. CÔ VŨ-THỊ-HIỀN.

LÊ-HUY-VÂN, PHAN-ANH, VŨ-VĂN-HIỀN, ĐỖ-XUÂN-SẢNG, NGUYỄN-NHƯ KONTUM, PHẠM-GIA-KÍNH, HOÀNG-XUÂN-HÂN, TRẦN-VĂN-GIÁP, NGUYỄN-TRỌNG-PHẤN, NG-VĂN-TỐ, VŨ-VĂN-CẦN. D^r ĐẶNG-HUY-LỘC, D^r TRỊNH-VĂN-TUẤT, D^r TRẦN-VĂN-BẢNG, D^r PHAN-HUY-QUÁT, VŨ-ĐÌNH-HÒE v. v...

B. — Phần văn-chương và mỹ-thuật :

TÔ-NGỌC-VÂN, NGUYỄN-XUÂN-KHOÁT, ĐOÀN-PHÚ-TỬ, ĐỖ-ĐỨC-THU, ĐÌNH-GIA-TRỊNH, v. v....

C. — Phần nhi-dồng giáo-dục :

PHẠM-LỢI, NGÔ-BÍCH-SAN, LÊ-HUY-VÂN, NGUYỄN-QUANG-HƯỜNG, VŨ-ĐÌNH-HÒE, v. v...

Trong số 16 Juin 1942 :

— Thuyết tu thân.	ĐỖ XUÂN-SẢNG
— Bàn chuyện thơ.	PHẠM VĂN-HẠNH
	NGUYỄN XUÂN-SANH
— Những bình dân ngân hàng.	VŨ ĐÌNH-HÒE
— Thế giới từ Septembre 1939	TÂN-PHONG
— Trường cao-đẳng thê-dục Đông-dương ở Phan-thiết.	ĐÌNH GIA-TRỊNH
— Lược khảo về khoa thi Hội, Quý-sử Duy-tân thứ bảy.	NGUYỄN VĂN-HUYỀN
— Địa-vị Khổng-Tử trong Nho giáo.	ĐẶNG THÁI-MAI
— Vệ-sinh ở thôn quê.	VŨ VĂN-CẦN
— Vài vụ kiện giữa chủ và người thuê nhà.	ĐỖ ĐỨC-DỤC
— Nhát dao, truyện dịch.	LÊ HUY-VÂN
— Liên lạc hội họa với nhiếp ảnh.	Tô Ngọc-Vân
— Mỹ-từ-pháp trong văn-chương Pháp và văn-chương Việt nam	VŨ BỘI-LIÊU
— Đứa con, truyện dài.	ĐỖ ĐỨC-THU

GIẤ BẢO :

THANH NGHI : mỗi số : 0 \$ 25, 3 tháng 1 \$ 50, 6 tháng 2 \$ 80, 12 tháng 5 \$ 40

V. M. TRẺ EM : — 0 \$ 15, — 1 \$ 30, — 2 \$ 60 — 5 \$ 00

TÒA BÁO : 102, PHỐ HÀNG BÔNG — Giấy nói : 672

NHÀ THUỐC

NĂM MỚI

DAI QUANG

XIN KÍNH CHÚC CÁC NGÀI
DÙNG THUỐC ĐẠI QUANG
ĐỀU ĐƯỢC BÌNH AN
MẠNH KHỎE QUANH NĂM.

23 — HÀNG NGANG — HANOI



ĐÃ CÓ BÁN KHẮP ĐÔNG-
PHÁP HAI TÁC PHẨM
NGHỆ THUẬT ĐỀ MỞ
ĐẦU CHO NHỮNG
SÁCH CÓ GIÁ TRỊ KHÁC

của
nhà xuất bản

« MỞI »

57 — Phố Phúc-kiến — HANOI
những quyển sách bìa giấy,
giấy tốt, trình bày mỹ thuật
nhưng in chỉ có hạn, nếu
không đón mua ngay sẽ
hối tiếc.



THƯ TỪ VÀ NGÂN PHIẾU XIN ĐỀ :

LÊ VĂN - DỰ

Directeur des éditions "mới"
57 — Rue Phúc-kiến — HANOI

KINH CẦU-TU'

tập văn xuôi đầu tiên của thi sĩ HUY CẬN

bìa mỹ thuật do thi sĩ PHẠM HẦU trình bày

1000 bản giấy làng Nghè,

giá mỗi bản : 0p.85

46 bản Lụa Dó, còn 8 bản,

giá mỗi bản : 3p.50

20 bản Vergé bambou, còn 6 bản,

giá mỗi bản : 4p.50

Tiêu nhiên mỹ co'

phóng tác của VŨ NGỌC PHAN

một chuyện tình diễm ảo, một áng văn chương của thế giới

1500 bản thường

giá mỗi bản : 1p.25

2 bản Vergé

giá mỗi bản : 7p.00

5 bản Bouffant

giá mỗi bản : 5p.00

LÀM TIỀN

của Trọng Lang

CON NHÀ NGHÈO của Phiêu Linh

ĐANG IN :